

Số: 569 /TB-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 30 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO
Về công khai các hoạt động của Trường Đại học
Tài chính - Quản trị kinh doanh - Năm học 2020 - 2021

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục quốc dân, Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh công khai các nội dung thuộc hoạt động của Nhà trường trong năm học 2020 - 2021 như sau:

1. Về nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

– Công khai cam kết chất lượng đào tạo của trường năm học 2020 - 2021 (Biểu mẫu 17).

– Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của trường năm học 2019 -- 2020 (Biểu mẫu 18)

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

– Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2020 - 2021 (Biểu mẫu 19).

– Công khai thông tin đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường năm học 2020 - 2021 (Biểu mẫu 20).

1.3. Công khai thu chi tài chính năm học 2020 - 2021 (Biểu mẫu 21).

2. Về hình thức công khai: Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường (www.tcqtkd.edu.vn) và công khai tại Trường.

Phòng Quản lý đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan đưa Thông báo công khai trên lên Website của trường và thực hiện việc theo dõi, tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Nhà trường./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Website Trường;
- Lưu: VT: QLĐT.


TÀI
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ
KINH DOANH
HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 17

Công khai cam kết chất lượng đào tạo Trường Đại học Tài chính-QLTKD Năm học 2020-2021

(Kèm theo Thông báo số 569/TB-ĐHTCQLTKD ngày 30 tháng 9 năm 2020)

A. TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

STT	Nội dung	Trình độ Thạc sĩ
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none">➤ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước➤ Phương thức tuyển sinh: Tổ chức thi tuyển đối với người Việt Nam, xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học Thạc sĩ tại trường.➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 60➤ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:<ul style="list-style-type: none">1. Về văn bằngNgười dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có một trong các điều kiện sau đây:<ul style="list-style-type: none">- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi tên ngành, chuyên ngành tốt nghiệp trùng tên với chuyên ngành đăng ký dự thi hoặc nội dung chương trình đào tạo đại học khác nhau dưới 10% so với chương trình đào tạo đại học chuyên ngành tương ứng của Trường.- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức của chương trình đại học tại Trường. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ ngành đã được xác định

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	<p>là ngành đúng, ngành phù hợp nêu trên) hoặc nội dung chương trình đào tạo đại học (khối kiến thức ngành) khác nhau từ 10% đến 40% so với chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành tương ứng tại Trường. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi nội dung chương trình đào tạo đại học (khối kiến thức ngành) khác nhau trên 40% so với chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành tương ứng tại Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh.</p> <p>2. Về thâm niên công tác:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.- Người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi phải có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi. <p>3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.</p> <p>4. Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học</p>
--	---

		<p>➤ Môn thi tuyển: gồm 3 môn</p> <ul style="list-style-type: none">- Môn ngoại ngữ (môn điều kiện)- Môn chủ chốt ngành- Môn chủ chốt chuyên ngành <p>➤ Điều kiện trúng tuyển:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:<ol style="list-style-type: none">a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.
--	--	---

II	<p>Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>➤ Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý; có kiến thức chuyên môn sâu; có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo để có thể đảm nhiệm công việc của một chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>Mở rộng, nâng cao và cập nhật cho học viên các kiến thức cơ sở đã được đào tạo ở bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng;</p> <p>Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;</p> <p>Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề tài chính - ngân hàng ở tầm vĩ mô;</p> <p>Có kỹ năng nghiên cứu độc lập; kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày;</p> <p>Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến tài chính - ngân hàng; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn</p>
----	---	--

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện bằng ngoại ngữ</p> <p>- <i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>Có năng lực phát hiện và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý, giải quyết các vấn đề lớn thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;</p> <p>Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;</p> <p>Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn;</p> <p>Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong các cơ sở nghiên cứu và giáo dục đại học; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở trình độ tiến sĩ; tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>Chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước.</p> <p>Quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.</p> <p>Biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia.</p> <p>Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc</p>
--	--	--

		<p>thù của nghề nghiệp.</p> <p>Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra:</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Chuẩn đầu ra về kiến thức:</i><ul style="list-style-type: none">Hiểu biết đầy đủ về thực trạng và xu hướng thay đổi của hoạt động kinh tế quốc gia và quốc tế.Hiểu biết đầy đủ các công cụ, chỉ tiêu phân tích kinh tế chủ yếu.Kiến thức nâng cao về tài chính- tiền tệ.Kiến thức về ngân hàng trung ương và quản trị ngân hàng thương mại.Kiến thức về tài chính quốc tế.Kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.Hiểu được các phương pháp lượng hoá và thống kê trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.Kiến thức về quản lý tài chính trong doanh nghiệp nói chung và tài chính công ty đa quốc gia nói riêng.Kiến thức về phân tích tài chính doanh nghiệp.Kiến thức về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.Kiến thức về phân tích và đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán.Kiến thức về quản trị danh mục đầu tư- <i>Chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên môn</i><ul style="list-style-type: none">Có kỹ năng sử dụng toán học, các phương pháp lượng hoá và thống kê trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.Có kỹ năng tự tìm hiểu và chủ động tuân thủ các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng cho công việc.Có kỹ năng tìm hiểu và tổ chức thực thi các chính sách vĩ mô liên quan đến hoạt động
--	--	---

		<p>tài chính- ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng tư duy, phân biện, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách và kế hoạch cho các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng phân tích, lựa chọn và ra quyết định trong quản trị các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng vận dụng và chủ động thực hiện các chế độ, các chuẩn mực, chính sách, quy định, luật pháp về quản lý kế toán, tài chính, thuế, bảo hiểm trong hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng thực hiện các công việc tài chính đặc thù của công ty đa quốc gia.</p> <p>Có kỹ năng lập dự báo và hoạch định tài chính doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng phân tích, đánh giá dự án đầu tư, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định lựa chọn dự án đầu tư.</p> <p>Có kỹ năng lập và phân tích các báo cáo tài chính phục vụ công tác quản trị tài chính doanh nghiệp</p> <p>Có kỹ năng xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và kiểm soát rủi ro tài chính doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng phân tích và ra quyết định đầu tư chứng khoán.</p> <p>Có kỹ năng quản trị danh mục đầu tư.</p> <p>- <i>Chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm</i></p> <p>Có kỹ năng tiếp cận các khoa học chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề khoa học liên quan ở cấp độ phù hợp với trình độ đào tạo.</p> <p>Có kỹ năng viết và trình bày về một vấn đề khoa học trọn vẹn.</p>
--	--	--

		<p>Có kỹ năng vận dụng quy định luật pháp trong giải quyết các vấn đề kinh tế và ngành đào tạo.</p> <p>Có kỹ năng phân tích định lượng, thống kê thông qua việc ứng dụng các phần mềm phân tích kinh tế lượng, thống kê và, toán.</p> <p>Có kỹ năng ngoại ngữ nói chung và ngoại ngữ chuyên ngành nói riêng tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>Có kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo thuộc ngành đào tạo.</p> <p>Có kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề toàn diện và khoa học.</p> <p>Có kỹ năng đánh giá và phản biện vấn đề trên cơ sở khoa học với các luận cứ chắc chắn.</p> <p>- <i>Yêu cầu về thái độ:</i></p> <p>Chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước.</p> <p>Quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.</p> <p>Biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia.</p> <p>Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.</p> <p>Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp</p>
<p style="text-align: center;">III</p>	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<p>Các chế độ chính sách cho học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các học viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. - Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm

		<p>việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. - Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Thời gian đào tạo: 2 năm ➤ Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp. - Có khả năng tiếp cận với quy định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận. - Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên cơ quan thanh tra giám sát, chuyên viên nghiên cứu, xây dựng chính sách tiền tệ và các chính sách khác về tiền tệ ngân hàng tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam. - Chuyên viên tài chính- ngân hàng: Quản lý tín dụng, Quản lý tài sản- nợ, Quản lý tài chính, Quản lý rủi ro, Quản lý danh mục đầu tư... - Chuyên viên quản lý tài chính tại các doanh nghiệp. - Chuyên viên kinh doanh chứng khoán. - Chuyên viên quản lý quỹ. - Nghiên cứu viên và Giảng viên

B. TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

STT	Nội dung	Trình độ đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Theo Đề án tuyển sinh của Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">➤ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước➤ Phương thức tuyển sinh Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức xét tuyển trên cơ sở kết quả thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia (phương thức 1) và xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập lớp 12 trung học phổ thông (phương thức 2).➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 800➤ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:<ul style="list-style-type: none">a. Đối với xét tuyển trên cơ sở kết quả thi THPT quốc gia<ul style="list-style-type: none">- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tương đương;- Tham dự kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 và có kết quả thi theo các tổ hợp môn thi áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường phải đạt từ 14,00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).b. Đối với xét kết quả học tập lớp 12 THPT:<ul style="list-style-type: none">- Đã tốt nghiệp THPT và tương đương;- Tổng điểm cả năm lớp 12 của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường đạt từ 18,0 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).➤ Tổ hợp xét tuyển:<ul style="list-style-type: none">- Ngành Kinh tế: A00, A01, D01, C04- Ngành Tài chính-Ngân hàng: A00, A01, D01, C02- Ngành Quản trị kinh doanh: A00, A01, D01, C04- Ngành Kế toán: A00, A01, D01, C03- Ngành Kiểm toán: A00, A01, D01, C01- Ngành Kinh doanh quốc tế: A00, A01, D01, D07

		<p>- Ngành Hệ thống thông tin quản lý: A00, A01, D01, D11</p> <p>➤ Nguyên tắc xét tuyển:</p> <p>- Đối với xét tuyển trên cơ sở kết quả thi THPT quốc gia:</p> <p>Xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định.</p> <p>Trường hợp các thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau đối với các tổ hợp xét tuyển theo môn thi, Trường ưu tiên xét tuyển những thí sinh có điểm thi cao hơn theo thứ tự ưu tiên của từng môn thi như sau: Tiếng Anh (ưu tiên 1) - Toán (ưu tiên 2) – Ngữ văn (ưu tiên 3) – Vật lý (ưu tiên 4) – Hóa học (ưu tiên 5) – Lịch sử (ưu tiên 6) – Địa lý (ưu tiên 7).</p> <p>Sau khi xét tuyển mỗi đợt nếu chưa đủ chỉ tiêu thì Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường sẽ quyết định tuyển nguyện vọng bổ sung tiếp theo.</p> <p>- Đối với xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập lớp 12 THPT:</p> <p>Xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định.</p> <p>Trường hợp thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau, Nhà trường ưu tiên xét tuyển những thí sinh có điểm cả năm lớp 12 các môn học cao hơn theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau: Tiếng Anh (ưu tiên 1) - Toán (ưu tiên 2) - Ngữ văn (ưu tiên 3) - Vật lý (ưu tiên 4) - Hóa học (ưu tiên 5) – Lịch sử (ưu tiên 6) – Địa lý (ưu tiên 7).</p> <p>➤ Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không</p> <p>➤ Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Không</p>
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt	<p>➤ Mục tiêu chung:</p> <p>Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Tài</p>

được	<p>chính-Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính-Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới</p> <p>(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, kế toán và quản trị kinh doanh;.</p> <p>+ Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Kiến thức Tài chính – Ngân hàng, am hiểu thị trường tài chính, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, luật kinh tế và các hoạt động khác có liên quan làm nền tảng tiếp thu kiến thức</p>
------	--

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

chuyên ngành và linh hoạt chuyên đôi ngành học
khi cần thiết

(6) Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực Nhà nước, hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, hoạt động thẩm định giá

(7) Nắm vững kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường

(8) Có khả năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.

- *Kỹ năng:*

+ *Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)*

(9) Có khả năng lập luận, tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề nảy sinh, nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

(10) Có khả năng hình thành các giả thuyết; thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng;

(11) Có kỹ năng tính toán, tổng hợp và lập kế hoạch hoạt động tài chính và ngân hàng;

(12) Có năng lực vận dụng kiến thức đã học, kỹ năng đã được rèn luyện về tài chính vào thực tiễn của đơn vị; có năng lực sáng tạo trong công việc, phát triển vị trí cá nhân trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

+ *Kỹ năng mềm*

(13) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn

		<p>được đào tạo.</p> <p>(14) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập...;</p> <p>(15) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(16) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(17) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>- Thái độ:</p> <p>18) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(19) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(20) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(21) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tinh thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <p>- Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn</p>

	người học	<p>cảnh khó khăn, gia đình chính sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>5. Hoạt động của Khoa Tài chính – Ngân hàng: Cuộc thi Sắc màu Tài chính, Tri ân thầy cô, Tọa đàm nghệ Ngân hàng, Giải bóng đá</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính-Ngân hàng từ Trung ương đến địa phương; - Chuyên viên trong các doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính-Ngân hàng và các định chế tài chính trung gian; - Giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, trường đại học khối ngành kinh doanh-quản lý và các tư vấn viên trong các tổ

	chức tài chính khác
--	---------------------

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p style="padding-left: 20px;">- <i>Kiến thức:</i></p> <p style="padding-left: 20px;">+ Kiến thức chung (khỏi kiến thức cơ bản):</p> <p style="padding-left: 40px;">(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p style="padding-left: 40px;">(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p style="padding-left: 40px;">(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p style="padding-left: 40px;">(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, kế</p>

toán và quản trị kinh doanh;

- Kiến thức chuyên ngành:

(5) Có kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, nhân lực, marketing, tài chính – kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

(6) Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

(7) Có kiến thức về các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của quản trị, lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân phối sản phẩm.

(8) Phân tích, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn các kiến thức đã học liên quan đến quản trị, văn hóa doanh nghiệp, hành vi của tổ chức; đàm phán và giải quyết các xung đột nghề nghiệp... để có thể khởi nghiệp và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường trong nước và quốc tế.

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)

(9) Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo phục vụ cho công tác quản trị kinh doanh;

(10) Kỹ năng lập kế hoạch quản trị kinh doanh như: Kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch bán hàng, kế hoạch nhân sự, ...;

(11) Kỹ năng tổ chức công việc, tổ chức bộ máy và tổ chức nhân sự để thực hiện các nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ;

(12) Kỹ năng tư vấn kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp hoàn thiện công tác quản trị hoặc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

+ Kỹ năng mềm

(13) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp

		<p>hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(14) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập...;</p> <p>(15) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(16) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(17) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>- Thái độ:</p> <p>(18) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(19) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(20) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(21) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tinh thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài</p>
--	--	--

		chính-Quản trị kinh doanh
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>5. Hoạt động của Quản trị kinh doanh tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấu trường Quản trị - Gala Sinh viên tri ân thầy cô - Giải bóng đá nam, nữ - FBA Couple - Nhà Quản trị tương lai
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức

		<p>phi chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.
--	--	--

NGÀNH KẾ TOÁN		
II	<p>Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ Kiến thức chung (khỏi kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa</p>

binh” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính - tiền tệ, thống kê, thuế; hiểu biết cơ bản về một số ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, v.v.... Nắm được các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, marketing, kế hoạch tài chính, ... của doanh nghiệp;.

+ Kiến thức chuyên ngành:

(5) Nắm vững phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin, phân tích báo cáo tài chính đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của luật pháp.

(6) Biết cách thiết kế, phân tích và sử dụng thông tin kế toán để trợ giúp các nhà quản trị ra quyết định quản trị, điều hành doanh nghiệp hiệu quả.

(7) Nắm vững kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức quy trình kế toán; tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp và các đơn vị HCSN.

(8) Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán.

(9) Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)

(10) Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp;

(11) Kỹ năng lập các báo cáo kế toán tài chính,

		<p>báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.</p> <p>(12) Kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp;</p> <p>(13) Kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp;</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(14) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(15) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập,...</p> <p>(16) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(17) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(18) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>- Thái độ:</p> <p>(19) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(20) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(21) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự</p>
--	--	---

		<p>phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(22) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tinh thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>5. Hoạt động của Khoa Kế toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Cuộc thi SV Kế toán - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ, riêng chuyên ngành Kế toán- Tin là 129 tín chỉ

		chưa kê phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kế toán, tài chính trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; - Tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán tại các trường, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

NGÀNH KIỂM TOÁN		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán-kiểm toán; thiết kế và điều hành hệ thống kiểm toán trong các đơn vị kiểm toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: - Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản): (1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng

học tập nâng cao trình độ.

(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.

(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh;

- Kiến thức chuyên ngành:

(5) Có kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán để mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

(6) Phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp

(7) Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán, kiểm toán trong các loại hình đơn vị kiểm toán.

(8) Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán kiểm toán, quy trình kế toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

(9) Có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp

(10) Kiến thức về tổ chức công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra kế toán, kiến thức về phân tích và quản trị tài chính, có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)

(11) Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp;

	<p>lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp.</p> <p>(12) Kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp; kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập vấn đề tài chính, kế toán;</p> <p>(13) Kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp; kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo các doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp;</p> <p>(14) Kỹ năng điều tra chọn mẫu; kỹ năng đọc, phân tích báo cáo tài chính, kỹ năng kiểm tra phát hiện sai phạm, kỹ năng tư vấn;</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(15) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(16) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, ...</p> <p>(17) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(18) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(19) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>- Thái độ:</p> <p>(20) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p>
--	---

		<p>(21) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(22) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(23) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tình thân cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
<p>III</p>	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kế toán: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Cuộc thi SV kế toán - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán Nhà nước; - Kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ, nhân viên quản lý tài chính ở các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp và các cơ quan tổ chức; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán-kiểm toán tại các trường, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán-kiểm toán.

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức, kỹ năng trong kinh doanh quốc tế. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các kiến thức vào trong công việc, tự tin trong giao tiếp, giải quyết vấn đề, tham gia hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh trên thị trường quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế của các tổ chức và các doanh nghiệp; có cơ hội học tiếp các chương trình sau đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p>

		<p>- Kiến thức:</p> <p>+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p>(4) Kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật về kinh tế, tài chính, kế toán và marketing liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các loại hình công ty nói chung và công ty đa quốc gia, công ty có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng.</p> <p>(6) Có kiến thức sâu rộng về thị trường quốc tế, kinh doanh quốc tế, mạng sản xuất toàn cầu và chuỗi cung ứng quốc tế.</p> <p>(7) Có kiến thức về hoạch định, tổ chức và quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế và tài chính trong các công ty đa quốc gia; các hoạt động logistic trong ngoại thương.</p> <p>(8) Nắm vững kiến thức về vận tải quốc tế; am hiểu văn hóa đa quốc gia, các loại hình buôn bán</p>
--	--	---

		<p>quốc tế và đầu tư; có kiến thức về quản trị chiến lược, khởi sự kinh doanh.</p> <p>(9) Hiểu biết về nghiệp vụ ngoại thương, kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh quốc tế; có khả năng sử dụng tiếng Anh trong đàm phán, ký kết hợp đồng và xúc tiến đầu tư thương mại quốc tế.</p> <p>(10) Đạt trình độ Tiếng Anh bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(11) Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin; ứng dụng trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, logistic, nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế, và đề xuất được các giải pháp về chính sách ngoại thương.</p> <p>(12) Kỹ năng hoạch định, chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp.</p> <p>(13) Kỹ năng nghiên cứu và đánh giá các thị trường và lập các chương trình marketing quốc tế của doanh nghiệp.</p> <p>(14) Kỹ năng giao dịch, soạn thảo hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa.</p> <p>(15) Kỹ năng lập báo cáo, trình diễn và truyền thông thương mại quốc tế.</p> <p>+ <i>Kỹ năng mềm</i></p> <p>(14) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(15) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, ...</p>
--	--	---

Biêu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>(16) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán. ...</p> <p>(17) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(18) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>(19) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(20) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(21) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(22) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tinh thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none">- Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách.- Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập- Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt

		<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Thương mại quốc tế, ngành Kinh doanh quốc tế, có khả năng làm việc tốt ở các bộ phận có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế của các loại hình doanh nghiệp; các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận; các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại quốc tế ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; bộ phận nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng khối kinh tế, kinh doanh quốc tế và

		quản trị kinh doanh
--	--	---------------------

NGÀNH KINH TẾ		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật kinh tế; quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế, quản lý các tổ chức có hoạt động kinh tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p style="padding-left: 20px;">- <i>Kiến thức:</i></p> <p style="padding-left: 20px;">- Kiến thức chung (khỏi kiến thức cơ bản):</p> <p style="padding-left: 40px;">(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p style="padding-left: 40px;">(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p style="padding-left: 40px;">(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p style="padding-left: 40px;">(4) Kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh</p>

		<p>doanh và kinh tế học hiện đại</p> <p>- Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Có kiến thức chuyên sâu về lý luận của kinh tế thị trường.</p> <p>(6) Kiến thức về phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế.</p> <p>(7) Kiến thức về quản lý phát triển kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương</p> <p>(8) Kiến thức về kinh tế và quản lý của một số lĩnh vực tiêu biểu như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, đầu tư ...</p> <p>(10) Đạt trình độ Tiếng Anh bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(11) Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế.</p> <p>(12) Kỹ năng quản lý theo quá trình quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.</p> <p>(13) Kỹ năng nghiên cứu và dự báo; phân tích quyết định và sử dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại cho các nhà quản lý.</p> <p>(14) Có kỹ năng sử dụng các phương pháp phân tích định tính và định lượng và lựa chọn các mô hình kinh tế để xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học cho đánh giá và đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề kinh tế của tổ chức, ngành hay cơ quan quản lý.</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(15) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p>
--	--	--

		<p>(16) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập ...;</p> <p>(17) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(18) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(19) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>(20) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(21) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(22) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(23) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tinh thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>6. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <p>- Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>7. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>8. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>9. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>10. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (có quy định riêng).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể làm việc ở các vị trí quản lý, nghiên cứu và tư vấn trong các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, giảng viên các trường đại học và cao đẳng; nhân viên tư vấn cho các tổ chức tư vấn, các tổ chức chính trị, các tổ

		chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ; tự thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.
--	--	---

NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

		<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu, cập nhật về hệ thống thông tin; có khả năng nghiên cứu tự bổ sung kiến thức thích ứng với môi trường làm việc; có đủ năng lực tổ chức hệ thống thông tin để giải quyết vấn đề và tạo ra những cơ hội mới trong quản lý và quản trị kinh doanh.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ Kiến thức chung (khỏi kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách</p>
--	--	--

II Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

		<p>mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p>(4) Kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại;</p> <p>+ Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Kiến thức rộng và cập nhật về công nghệ phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong công nghệ thông tin..</p> <p>(6) Kiến thức về các hệ thống thông tin trong tổ chức, doanh nghiệp; các phương pháp định lượng trong quản lý, cơ sở dữ liệu trong phân tích kinh doanh.</p> <p>(7) Kiến thức về lập trình cơ bản, tạo lập và thiết kế web, vận dụng được công nghệ Internet, kiến trúc ứng dụng web cũng như sử dụng các công cụ đa phương tiện, mạng Internet.</p> <p>(8) Có kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống mạng và các hệ thống thông tin trong quản lý, kinh doanh của các công ty, tổ chức.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(9) Có kỹ năng xác định, phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh bằng hệ thống thông tin quản lý.</p> <p>(10) Có kỹ năng về thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống quản lý, hệ thống thông tin quản lý trong quản lý và kinh doanh.</p> <p>(11) Kỹ năng lập phương án tổ chức hệ thống thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p> <p>(12) Kỹ năng tổ chức lưu trữ, xử lý, khai thác và phân phối thông tin phục vụ cho dự báo và ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>(13) Kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính của doanh nghiệp;</p> <p>(14) Kỹ năng chuyên giao, huấn luyện sử dụng các phần mềm thông dụng trong quản lý và kinh</p>
--	--	---

doanh;

(15) Kỹ năng lựa chọn phương án bảo mật và an toàn hệ thống thông tin cho doanh nghiệp.

+ Kỹ năng mềm

(16) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

(17) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập,...

(18) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...

(19) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

(20) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

- *Thái độ:*

(21) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.

(22) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.

(23) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.

(24) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tinh thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc,

		<p>hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<p>11. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>12. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>13. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>14. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>15. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	<p>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.

VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin; làm chuyên gia tư vấn về hệ thống thông tin trong các tổ chức, các công ty thuộc mọi loại hình doanh nghiệp; làm quản lý hay chuyên gia hệ thống thông tin trong các công ty tin học, trung tâm thông tin hay công ty môi giới thông tin; làm giảng viên hệ thống thông tin quản lý trong các trường đại học.
----	-------------------------------	---

C. TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG

STT	Nội dung	Trình độ đại học liên thông
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Theo Đề án tuyển sinh của Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước ➤ Phương thức tuyển sinh <ul style="list-style-type: none"> - Liên thông Trung cấp lên Đại học: Xét kết quả học tập lớp 12 THPT (Theo đề án tuyển sinh của trường). - Liên thông Cao đẳng lên Đại học: Xét kết quả học tập lớp 12 THPT (Theo đề án tuyển sinh của trường) hoặc thi tuyển sinh (3 môn: Môn cơ bản + Môn cơ sở ngành + Môn chuyên ngành). ➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 100 ➤ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với hệ liên thông chính quy <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đối tượng:</i> Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (Khối ngành III). - <i>Đối với xét kết quả học tập lớp 12 THPT:</i> Tổng điểm cả năm lớp 12 của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường đạt từ 18,0 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực). <p><i>Tổ hợp xét tuyển:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Ngành Kinh tế: A00, A01, D01, C04 ✓ Ngành Tài chính – Ngân hàng: A00, A01, D01, C02. ✓ Ngành Quản trị kinh doanh: A00, A01,

		<p>D01, C04.</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Ngành Kế toán: A00, A01, D01, C03 - <i>Đối với thi tuyển sinh:</i> Tổng điểm 3 môn thi tuyển phải đạt từ 15 điểm trở lên, không môn nào dưới 5. - <i>Nguyên tắc xét tuyển:</i> Xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định. ➤ Đối với hệ liên thông vừa làm vừa học <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đối tượng:</i> Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (Khối ngành III).
A	NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG	
II	<p>Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính-Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc. ➤ Mục tiêu cụ thể: - <i>Kiến thức:</i> + Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản): (1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ. (2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông. (3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự

		<p>của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tô quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật độ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới</p> <p>(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, kế toán và quản trị kinh doanh; + Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Kiến thức Tài chính – Ngân hàng, am hiểu thị trường tài chính, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, luật kinh tế và các hoạt động khác có liên quan làm nền tảng tiếp thu kiến thức chuyên ngành và linh hoạt chuyển đổi ngành học khi cần thiết</p> <p>(6) Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực Nhà nước, hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, hoạt động thẩm định giá</p> <p>(7) Nắm vững kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường</p> <p>(8) Có khả năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i> + Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(9) Có khả năng lập luận, tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề nảy sinh, nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;</p> <p>(10) Có khả năng hình thành các giả thuyết; thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong lĩnh vực</p>
--	--	--

		<p>tài chính và ngân hàng;</p> <p>(11) Có kỹ năng tính toán, tổng hợp và lập kế hoạch hoạt động tài chính và ngân hàng;</p> <p>(12) Có năng lực vận dụng kiến thức đã học, kỹ năng đã được rèn luyện về tài chính vào thực tiễn của đơn vị; có năng lực sáng tạo trong công việc, phát triển vị trí cá nhân trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(13) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(14) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập...;</p> <p>(15) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(16) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(17) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p><i>- Thái độ:</i></p> <p>18) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(19) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(20) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự</p>
--	--	--

		<p>phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>- (21) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tình thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của Khoa Tài chính – Ngân hàng: Cuộc thi Sắc màu Tài chính, Tri ân thầy cô, Tọa đàm nghệ Ngân hàng, Giải bóng đá
IV	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: - Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học: 2.5 năm - Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học: 1.5 năm. - Các học phần được miễn, phải tích lũy bổ sung theo quy định xét miễn học, tích lũy bắt buộc và tích lũy bổ sung các học phần đối với sinh viên liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học của

		<p>Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính-Ngân hàng từ Trung ương đến địa phương; - Chuyên viên trong các doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính-Ngân hàng và các định chế tài chính trung gian; - Giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, trường đại học khối ngành kinh doanh-quản lý và các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác
A	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo</p>

		<p>đục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p>(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, kế toán và quản trị kinh doanh;</p> <p>- Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Có kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, nhân lực, marketing, tài chính – kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>(6) Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>(7) Có kiến thức về các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của quản trị, lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân phối sản phẩm.</p> <p>(8) Phân tích, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn các kiến thức đã học liên quan đến quản trị, văn hóa doanh nghiệp, hành vi của tổ chức; đàm phán và giải quyết các xung đột nghề nghiệp... để có thể khởi nghiệp và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường trong nước và quốc tế.</p> <p>- Kỹ năng:</p>
--	--	---

		<p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(9) Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo phục vụ cho công tác quản trị kinh doanh;</p> <p>(10) Kỹ năng lập kế hoạch quản trị kinh doanh như: Kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch bán hàng, kế hoạch nhân sự, ...;</p> <p>(11) Kỹ năng tổ chức công việc, tổ chức bộ máy và tổ chức nhân sự để thực hiện các nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ;</p> <p>(12) Kỹ năng tư vấn kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp hoàn thiện công tác quản trị hoặc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(13) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(14) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập...;</p> <p>(15) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(16) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(17) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>- Thái độ:</p> <p>(18) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p>
--	--	---

		<p>(19) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(20) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(21) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tinh thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>5. Hoạt động của Quản trị kinh doanh tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấu trường Quản trị - Gala Sinh viên tri ân thầy cô - Giải bóng đá nam, nữ - FBA Couple - Nhà Quản trị tương lai
IV	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: - Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học:

		<p>2.5 năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học: 1.5 năm. - Các học phần được miễn, phải tích lũy bổ sung theo quy định xét miễn học, tích lũy bắt buộc và tích lũy bổ sung các học phần đối với sinh viên liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; - Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.
A	NGÀNH KẾ TOÁN	
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt</p>

Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.

(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính - tiền tệ, thống kê, thuế; hiểu biết cơ bản về một số ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, v.v.... Nắm được các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, marketing, kế hoạch tài chính, ... của doanh nghiệp;.

+ Kiến thức chuyên ngành:

(5) Nắm vững phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin, phân tích báo cáo tài chính đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của luật pháp.

(6) Biết cách thiết kế, phân tích và sử dụng thông tin kế toán để trợ giúp các nhà quản trị ra quyết định quản trị, điều hành doanh nghiệp hiệu quả.

(7) Nắm vững kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức quy trình kế toán; tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp và các đơn vị HCSN.

(8) Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng

		<p>yêu cầu của chuyên môn kế toán.</p> <p>(9) Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(10) Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp;</p> <p>(11) Kỹ năng lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.</p> <p>(12) Kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp;</p> <p>(13) Kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp;</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(14) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(15) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập,...</p> <p>(16) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(17) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu, đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh của Trường Đại học</p>
--	--	--

		<p>Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>(18) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra Tin học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>(19) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(20) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(21) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(22) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tinh thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<p>6. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>7. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>8. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>9. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động</p>

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>10. Hoạt động của Khoa Kế toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: - Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học: 2.5 năm - Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học: 1.5 năm. - Các học phần được miễn, phải tích lũy bổ sung theo quy định xét miễn học, tích lũy bắt buộc và tích lũy bổ sung các học phần đối với sinh viên liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kế toán, tài chính trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; - Tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán tại các trường, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.


HIỆU TRƯỞNG
 TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

my

BIỂU MẪU 18
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế
của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh
Năm học 2019-2020

(Kèm theo Thông báo số 569 /TB-ĐHTCQTKD ngày tháng năm 2020)

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại		
		Thạc sĩ	Đại học	
			Chính quy	Vừa làm vừa học
1	Khối ngành I	0	0	0
2	Khối ngành II	0	0	0
3	Khối ngành III	154	2.588	61
4	Khối ngành IV	0	0	0
5	Khối ngành V	0	0	0
6	Khối ngành VI	0	0	0
7	Khối ngành VII	0	5	0

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
1	Khối ngành I						
2	Khối ngành II						
3	Khối ngành III	657	9	90	427	131	95,74%
4	Khối ngành IV						
5	Khối ngành V						
6	Khối ngành VI						
7	Khối ngành VII						

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

I. Trình độ đào tạo Thạc sĩ

CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		6		
1	Triết học nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
2	Phương pháp nghiên cứu KH	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH		42		
Kiến thức cơ sở của ngành và chuyên ngành		15		
3	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
4	Lý thuyết tài chính-tiền tệ nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
5	Kinh tế lượng tài chính và ứng dụng	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
<i>Các học phần tự chọn</i>		6		
6	Kinh tế học hội nhập quốc tế	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
7	Chính sách công	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
Kiến thức chuyên ngành		27		
<i>Các học phần bắt buộc</i>		15		
STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Tài chính quốc tế	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
9	Quản trị rủi ro tài chính	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
10	Tài chính doanh nghiệp	3	Kỳ II	Điểm QT: 20%

				Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
11	Quản trị ngân hàng thương mại	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
12	Quản lý tài chính công	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
Các học phần tự chọn		12		
13	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
14	Công cụ phái sinh	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
15	Kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
16	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
17	Luận văn Thạc sĩ	12	Kỳ IV	Luận văn: 100%
Tổng		60		

II. Trình độ đào tạo Đại học chính quy

1. Ngành Tài chính – Ngân hàng

a) Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001092	Tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001400	Bảo hiểm	3	3	0	
6	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	001440	Tài chính doanh nghiệp HP2	3	2	1	
2	001452	Tài chính doanh nghiệp HP3	3	2	1	
3	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
4	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
5	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	1	1	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Bổ trợ			25			
Học phần bắt buộc			20			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004304	Tin học ứng dụng trong tài chính	3	2	1	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
6	005162	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	001471	Tài chính quốc tế	2	2	0	
3	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
4	001502	Tin dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
5	001501	Tin dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010011	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Ngân hàng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			13			
Học phần bắt buộc			13			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001400	Bảo hiểm	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
2	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
3	001183	Quản trị kinh doanh ngân hàng	2	2	0	
4	001432	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3	3	0	
5	001410	Kế toán ngân hàng thương mại HP1	3	3	0	
6	001503	Kế toán ngân hàng thương mại HP2	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	001192	Hệ thống thông tin ngân hàng	2	1	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001471	Tài chính quốc tế	2	2	0	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	005142	Thẩm định giá bất động sản	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10	10	0	
1	010012	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

c) *Chuyên ngành Thẩm định giá*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			13			
Học phần bắt buộc			13			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
3	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	005062	Nguyên lý hình thành giá	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005072	Nguyên lý thẩm định giá	2	2	0	
2	005130	Thẩm định dự án đầu tư	2	2	0	
3	005142	Thẩm định giá bất động sản	3	3	0	
4	005152	Thẩm định giá máy móc thiết bị	2	2	0	
5	005162	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	3	0	
6	005172	Thẩm định giá tài sản sở hữu trí tuệ	2	2	0	
7	005180	Định giá xây dựng	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
8	009100	Pháp luật về định giá và thẩm định giá	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	005090	Địa lý kinh tế	2	2	0	
6	005110	Hệ thống thông tin đất	2	2	0	
7	005120	Quy hoạch sử dụng đất	2	2	0	
8	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
2	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
3	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10	10	0	
Học phần bắt buộc			10	10	0	
1	0110051	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

d) Chuyên ngành Thuế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			12			
Học phần bắt buộc			12			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001282	Lý thuyết về thuế	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
6	001382	Thuế tiêu dùng	3	3	0	
5	001372	Thuế thu nhập	3	3	0	
4	001362	Thuế tài sản và các khoản thu khác	3	3	0	
2	001292	Quản lý thuế HP1	3	3	0	
3	001302	Quản lý thuế HP2	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
1	001072	Hải quan	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			26			
Học phần bắt buộc			21			
6	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
4	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
3	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
1	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	005072	Nguyên lý thẩm định giá	2	2	0	
	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
2	005130	Thẩm định dự án đầu tư	2	2	0	
3	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
4	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
5	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010013	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

2. Ngành Quản trị kinh doanh

a) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003192	Quản trị sản xuất	3	3	0	
2	003310	Quản trị marketing	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
3	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
4	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
5	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
6	003404	Quản trị doanh nghiệp thương mại	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			22			
Học phần bắt buộc			17			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
3	009140	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	2	2	0	
4	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
5	003240	Quản trị văn phòng	2	2	0	
6	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	003406	Quản trị giá	2	2	0	
2	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010031	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006080	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003401	Đại cương khoa học và du lịch	3	3	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			15			
Học phần bắt buộc			15			
1	003409	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
2	003408	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3	0	
3	003411	Quản trị TOUR	3	3	0	
4	003415	Quản trị marketing du lịch và khách sạn	3	3	0	
5	003416	Thực hành quản trị kinh doanh du lịch	3	0	3	
Khối kiến thức: Bổ trợ			23			
Học phần bắt buộc			18			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
3	003402	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	0	
4	007080	Tiếng Anh du lịch và khách sạn	3	3	0	
5	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
6	003414	Quy hoạch và chính sách du lịch	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	003406	Quản trị giá	2	2	0	
2	001504	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	2	0	
3	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
4	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
5	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010032	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

c) Chuyên ngành Quản trị Marketing

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006080	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003420	Nghiên cứu marketing	3	3	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	003407	Quản trị kênh phân phối	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
2	003403	Quản trị bán hàng	3	3	0	
3	003412	Quản trị thương hiệu	3	3	0	
4	003421	Truyền thông Marketing tích hợp	3	3	0	
5	003406	Quản trị giá	2	2	0	
6	003413	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	2	2	0	
7	003419	Marketing trên internet	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
3	003410	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0	
4	003417	Marketing khách hàng tổ chức	2	2	0	
5	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
6	009240	Kinh tế quốc tế	2	2		
Học phần tự chọn			5			
1	003240	Quản trị văn phòng	2	2	0	
2	003422	Tổ chức sự kiện	2	2	0	
3	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
4	003418	Marketing quốc tế	3	3	0	
5	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010033	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

3. Ngành Kế toán

a) Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
3	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
4	002306	Phân tích kế toán và báo cáo tài chính	2	1	1	
5	002240	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	3	1	2	
6	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	002302	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	
5	002301	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
2	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	2	0	
3	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
4	002305	Kiểm toán tài chính	3	3	0	
5	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010021	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Kế toán công

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	002162	Kế toán hành chính sự nghiệp HP1	3	3	0	
2	002172	Kế toán hành chính sự nghiệp HP2	2	2	0	
3	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
4	002102	Kế toán NSNN và nghiệp vụ Kho bạc	3	3	0	
5	002082	Kế toán máy trong đơn vị HCSN	2	1	1	
6	002282	Tổ chức công tác kế toán HCSN	2	2	0	
7	002230	Thực hành kế toán HCSN	3	2	1	
Khối kiến thức: Hỗ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
4	001200	Nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước	2	2	0	
5	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
6	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
7	002232	Phân tích tài chính HCSN	2	2	0	
8	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
4	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
5	002305	Kiểm toán tài chính	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010022	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

c) Chuyên ngành Kế toán tin

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	003301	Quản trị học	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	004092	Cơ sở lập trình	3	2	1	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	004305	Lập trình windows form	3	2	1	
6	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3	2	1	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			20			
Học phần bắt buộc			20			
1	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
3	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
4	002306	Phân tích kế toán và báo cáo tài chính	2	2	0	
5	002240	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	3	1	2	
6	004182	Cơ sở dữ liệu HP2	3	2	1	
7	004152	Lập trình kế toán	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			19			
Học phần bắt buộc			14			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	004202	Hệ thống thông tin tài chính kế toán	3	3	0	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Học phần tự chọn			5			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	004250	Internet và thương mại điện tử	2	2	0	
3	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	2	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010023	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			129			

4. Ngành Kiểm toán

a) Chuyên ngành Kiểm toán

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			15			
Học phần bắt buộc			15			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
4	002302	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	
5	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
6	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	002212	Kiểm toán tài chính HP1	3	3	0	
2	002222	Kiểm toán tài chính HP2	3	3	0	
3	002202	Kiểm toán hoạt động	3	3	0	
4	002304	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	2	2	0	
5	002192	Kiểm soát quản lý	2	2	0	
6	002242	Tổ chức quá trình kiểm toán BCTC	2	2	0	
7	002280	Thực hành kiểm toán	3	1	2	
Khối kiến thức: Bổ trợ			23			
Học phần bắt buộc			18			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
6	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Học phần tự chọn			5			
1	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
2	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	1	1	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	002102	Kế toán NSNN và nghiệp vụ Kho bạc	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010061	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

5. Ngành Kinh tế

a) Chuyên ngành Quản lý kinh tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
1	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009011	Kinh tế học vi mô 1	3	3	0	
2	009021	Kinh tế học vĩ mô 1	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	009012	Kinh tế học vi mô 2	2	2	0	
3	009022	Kinh tế học vĩ mô 2	2	2	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
6	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
7	009041	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			19			
Học phần bắt buộc			19			
1	009033	Quản lý học	3	3	0	
2	009082	Quản lý nhà nước và kinh tế	3	3	0	
3	009032	Chính sách kinh tế	3	3	0	
4	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
5	009042	Kinh tế nguồn nhân lực	3	3	0	
6	009083	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	2	2	0	
7	009044	Kinh tế và quản lý môi trường	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	009031	Chiến lược và kế hoạch phát triển	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	009053	Luật hành chính	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
2	005120	Quy hoạch sử dụng đất	2	2	0	
3	001432	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3	3	0	
4	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
5	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010071	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Kinh tế - Luật

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2	2	0	
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009011	Kinh tế học vi mô 1	3	3	0	
2	009021	Kinh tế học vĩ mô 1	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			15			
Học phần bắt buộc			15			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	003301	Quản trị học	3	3	0	
5	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
2	009012	Kinh tế học vi mô 2	2	2	0	
3	009022	Kinh tế học vĩ mô 2	2	2	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
6	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
7	009041	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			21			
Học phần bắt buộc			21			
1	009054	Luật kinh tế HP1	3	3	0	
2	009055	Luật kinh tế HP2	3	3	0	
3	009073	Pháp luật tài chính - ngân hàng	3	3	0	
4	009058	Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
5	009052	Luật đầu tư - đấu thầu	3	3	0	
6	009057	Luật thương mại điện tử	3	3	0	
7	009051	Luật cạnh tranh	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			21			
Học phần bắt buộc			16			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	009044	Kinh tế và quản lý môi trường	2	2	0	
3	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
4	009056	Luật sở hữu trí tuệ	3	3	0	
5	009035	Luật hành chính	3	3	0	
6	009072	Pháp luật môi trường - đất đai	3	3	0	
Học phần tự chọn			5			
1	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	001400	Bảo hiểm	3	3	0	
5	009071	Pháp luật lao động	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010072	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

c) Chuyên ngành Quản lý kinh tế - Luật

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2	2	0	
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
5	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
6	009041	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			23			
Học phần bắt buộc			23			
1	009033	Quản lý học	3	3	0	
2	009082	Quản lý nhà nước và kinh tế	3	3	0	
3	009032	Chính sách kinh tế	3	3	0	
4	009042	Kinh tế nguồn nhân lực	3	3	0	
5	009044	Kinh tế và quản lý môi trường	2	2	0	
6	009065	Luật kinh tế	3	3	0	
7	009051	Luật cạnh tranh	3	3	0	
8	009058	Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			13	13	0	
Học phần bắt buộc			13	13	0	
1	004280	Excel căn bản	3	3	0	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	009031	Chiến lược và kế hoạch phát triển	3	3	0	
4	009072	Pháp luật môi trường - đất đai	3	3	0	
5	009053	Luật hành chính	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
2	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
5	009052	Luật đầu tư - đấu thầu	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010073	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

6. Ngành Kinh doanh quốc tế

a) Chuyên ngành Thương mại quốc tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	3	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
1	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009063	Đầu tư quốc tế	3	3	0	
2	003418	Marketing quốc tế	3	3	0	
3	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
4	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
6	009043	Kinh tế thương mại	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009045	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương HP1	3	3	0	
2	009046	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương HP2	3	3	0	
3	009064	Đàm phán thương mại quốc tế	2	2	0	
4	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
5	009087	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	3	0	
6	003084	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			21			
Học phần bắt buộc			16			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	007090	Tiếng Anh thương mại quốc tế	3	3	0	
4	009085	Quản trị đa văn hóa	2	2	0	
5	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
6	009058	Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
Học phần tự chọn			5	5	0	
1	001065	Thanh toán quốc tế	2	2	0	
2	009083	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	2	2	0	
3	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
4	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010081	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

7. Ngành Hệ thống thông tin quản lý

b) Chuyên ngành Công nghệ thương mại điện tử

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003301	Quản trị học	3	3	0	
4	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009057	Luật thương mại điện tử	3	3	0	
2	004092	Cơ sở lập trình	3	2	1	
3	003419	Marketing trên internet	2	2	0	
4	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3	2	1	
5	004261	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	
6	004303	Mạng máy tính và truyền thông	3	2	1	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			22			
Học phần bắt buộc			22			
5	004401	Phân tích thiết kế hệ thống TM điện tử	3	3	0	
6	004402	Xây dựng website thương mại điện tử	3	2	1	
2	003501	Chiến lược kinh doanh điện tử	2	2	0	
1	001505	Thanh toán điện tử	2	2	0	
3	004302	Lập trình Web	3	2	1	
4	004306	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	
7	004403	An toàn và bảo mật trong TM điện tử	3	2	1	
8	004404	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
2	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
3	004280	Excel căn bản	3	2	1	
4	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
5	003084	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	
Học phần tự chọn			5	5	0	
1	001065	Thanh toán quốc tế	2	2	0	
2	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
3	003410	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0	
4	004405	Đồ họa Web và đa phương tiện	3	2	1	
5	004406	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp						
Học phần bắt buộc			10			
1	011043	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng			127			

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do trường tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2019	
2	Giáo trình Kinh tế đầu tư	2019	
3	Giáo trình Kinh tế công cộng	2019	
4	Giáo trình Tài chính hành chính sự nghiệp	2019	

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Phòng giao dịch huyện Quế Võ	Doãn Thế Sơn	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
2	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hưng Yên	Đỗ Thị Hồng Hạnh	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
3	ĐHCQ	Giải pháp mở rộng cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Phúc	Nguyễn Tuyết Ngọc	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
4	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Hoàng Sơn	Ths. Phạm Hồng Hạnh	
5	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng hoạt động cho vay tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – chi nhánh Trùng Khánh – Cao Bằng”	Hà Thị Loan	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
6	ĐHCQ	Đánh giá hiệu quả Hoạt động cho vay đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách tại NHCSXH – PGD Văn Lâm – Hưng Yên	Nguyễn Thị Thu Hiền	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
7	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Vĩnh Phúc	Đại Thị Thùy Linh	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
8	ĐHCQ	Mở rộng hoạt động huy động vốn từ dân cư tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Nam Hà Nội	Lê Thị Lý	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
9	ĐHCQ	Phát triển hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Hưng Yên	Đào Thanh Huyền	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
10	ĐHCQ	Phát triển hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Hưng Yên	Đào Thanh Huyền	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
11	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Từ Hồ - Chi nhánh Yên Mỹ	Vũ Thị Khánh Ly	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	
12	ĐHCQ	Đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng tại NHTMCP	Trần Mỹ Linh	Ths. Vũ Thị Thùy Dung	

		Vietinbank – Chi nhánh Bắc Hà Nội		
13	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Hưng Yên	Hoàng Thị Trà My	Ths. Phạm Hồng Hạnh
14	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hưng Yên	Chu Thị Dịu Hiền	Ths. Phạm Hồng Hạnh
15	ĐHCQ	Chất lượng cho vay hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Văn Giang, Hưng Yên	Phạm Quốc Việt	Ths. Phạm Hồng Hạnh
16	ĐHCQ	Giải pháp pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Công Sơn	Ths. Phạm Hồng Hạnh
17	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay tiêu dùng tại PGD An Bình chi nhánh hưng yên	Lê Thị Tân	Ths. Bùi Tiến Thịnh
18	ĐHCQ	Giải pháp tăng cường công tác huy động vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Hà Nam	Doãn Thị Thu Hằng	Ths. Bùi Tiến Thịnh
19	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh Gia Lâm	Bùi Thị Thanh Thư	Ths. Bùi Tiến Thịnh
20	ĐHCQ	Mở rộng hoạt động tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại quỹ tín dụng nhân dân Hồng Việt	Nguyễn Thanh Long	Ths. Luyện Thùy Dung
21	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Tuyên Quang	Phạm Quang Thành	Ths. Luyện Thùy Dung
22	ĐHCQ	Hoàn thiện hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đông Hà Nội	Đào Hồng Minh	Ths. Luyện Thùy Dung
23	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng thẻ ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Văn Lâm - Hưng Yên II	Vũ Thị Khánh Ly	Ths. Luyện Thùy Dung
24	ĐHCQ	Thực trạng huy động tiền gửi tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thành phố Lạng Sơn	Lục Thu Trang	Ths. Nguyễn Thị Thu Hà
25	ĐHCQ	Giải pháp mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt của ngân hàng ACB tại PGD Văn Lâm	Hà Kiều Trinh	Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

26	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng phát triển nông nghiệp nông thôn chi nhánh Tỉnh Gia giai đoạn 2016-2018	Lê Văn Tiến	Ths. Nguyễn Thị Thu Hà
27	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động cho vay KHCN tại ngân hàng TMCP Quân đội PGD Thái Thịnh giai đoạn 2016-2018	Dương Hải Yến	Ths. Nguyễn Thị Thu Hà
28	ĐHCQ	Một số giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	Trương Quỳnh Vân	Ths. Nguyễn Thị Thu Hà
29	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hưng Yên	Lê Việt An	Ths. Nguyễn Hữu Quý
30	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Việt Nam chi nhánh Hưng Yên	Nguyễn Ngọc Hân	Ths. Nguyễn Hữu Quý
31	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng chung và dài hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Nam	Nguyễn Đức Anh	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng
32	ĐHCQ	Giải pháp mở rộng hoạt động hoạt động bán lẻ tại BIDV Đông Hà Nội	Nguyễn Đức Nam Anh	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng
33	ĐHCQ	Giải pháp mở rộng hoạt động tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á chi nhánh Cầu Giấy	Trần Thị Ngọc Ánh	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng
34	ĐHCQ	Phát triển dịch vụ khách hàng cá nhân tại ABBank Hưng Yên - Phòng Giao dịch Khoái Châu	Hoàng Khánh Linh	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng
35	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng huy động vốn Vietinbank Bim Sơn	Hoàng Hà	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng
36	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty cổ phần vận tải Sao Mai	Nguyễn Tấn Tùng	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền
37	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Miền Bắc	Nguyễn Công Tùng	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền
38	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH Thành Đạt	Vũ Thị Hải Vân	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền
39	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH Sơn Kansai Alphanam	Bạch Thị Hương	Ths. Trương Thị Đức Giang

40	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ MCS	Nguyễn Thị Thanh Truyền	Ths. Trương Thị Đức Giang
41	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty TNHH MTV đầu tư SCIC	Nguyễn Thị Thùy Trang	Ths. Trương Thị Đức Giang
42	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần thương mại du lịch - xăng dầu dầu khí Hà Nam	Đào Thanh Tùng	Ths. Trương Thị Đức Giang
43	ĐHCQ	Kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thành Đông Hải Dương	Nguyễn Hà Duy	Ths. Bùi Thị Yên
44	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty cổ phần Thành Phát Việt Nam	Nguyễn Nhật Hà	Ths. Bùi Thị Yên
45	ĐHCQ	Nâng cao lợi nhuận của công ty Cổ phần Everpia Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hiền	Ths. Bùi Thị Yên
46	ĐHCQ	Nâng cao lợi nhuận tại công ty TNHH thương mại và sản xuất phụ tùng xe máy Phú Cường BP	Nguyễn Thị Phương Hà	Ths. Bùi Thị Yên
47	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư kiến trúc và Xây dựng Việt Tín	Đỗ Minh Thu	Ths. Trương Thị Bích
48	ĐHCQ	Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu	Lê Thị Thúy	Ths. Trương Thị Bích
49	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên xây dựng Tuyên Hoàng	Hoàng Văn Hưng	Ths. Trương Thị Bích
50	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty Cổ phần May II Hưng Yên	Tạ Đỗ Hoàng Tùng	Ths. Trương Thị Bích
51	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH mực in Sắc Việt	Đỗ Thị Phương	Ths. Quán Thị Thu Huyền
52	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định tại hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Thuận Phát	Trần Công Thế	Ths. Quán Thị Thu Huyền
53	ĐHCQ	Phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty TNHH sơn Kansai - Alphanam	Chu Thị Linh	Ths. Lê Minh Thu
54	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH dịch vụ và thương mại Phúc Nga	Trần Ngọc Tú	Ths. Vũ Thị Hà
55	ĐHCQ	Phân tích công nợ và khả năng thanh toán của công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Hưng Yên	Nguyễn Thị Thu Thủy	Ths. Vũ Thị Hà
56	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH Lamer	Đặng Trúc Linh	Ths. Lê Minh Thu
57	ĐHCQ	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm của công ty cổ phần đầu tư và xây dựng	Phạm Thị Hồng Hải	Ths. Lê Minh Thu

58	ĐHCQ	Tài sản cố định tại công ty cổ phần Hãng sơn Đông Á	Nguyễn Trung Dũng	Ths. Lê Minh Thu
59	ĐHCQ	Doanh thu tại công ty cổ phần bất động sản Phúc Lộc	Nguyễn Minh Công	Ths. Lê Minh Thu
60	ĐHCQ	Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán tại công ty tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ FT Hưng Yên	Phạm Quỳnh Anh	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh
61	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty cổ phần may và dịch vụ Hưng Long	Đào Thị Ánh Nguyệt	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh
62	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên VLXD Secoin Hưng Yên	Nguyễn Thị Thu Ngân	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh
63	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính công ty TNHH Hoa Cường	Nguyễn Trần Vũ	Ths. Đỗ Thị Quỳnh Anh
64	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty TNHH MTV Đình Hoàng Sơn La	Nguyễn Hồng Nhung	Ths. Ngô Ánh Nguyệt
65	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty than Hạ Long TKV	Vũ Thị Kim Liên	Ths. Ngô Ánh Nguyệt
66	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty cổ phần tư vấn và xây lắp Quang Hưng	Vũ Viết Lê Cương	Ths. Hoàng Thị Duyên
67	ĐHCQ	Khả năng thanh toán của công ty TNHH một thành viên khu công nghiệp Lai Vu	Phùng Trung Hiếu	Ths. Hoàng Thị Duyên
68	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH Minh Long	Bùi Thị Như Ý	Ths. Hoàng Thị Duyên
69	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải Châu Đại Phát	Trần Ngọc Huyền	Ths. Hoàng Thị Duyên
70	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Hưng Yên	Lê Thị Phương Thảo	Ths. Trần Thu Nga
71	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ BIC - Hưng Yên	Bùi Thị Thanh Tâm	Ths. Trần Thu Nga
72	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Tú – Thanh Thủy	Hoàng Minh Thư	Ths. Trần Thu Nga
73	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH sơn Kansai - Alphanam	Khương Thị Phương	Ths. Trần Thu Nga
74	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn cố định tại công ty cổ phần may Phú Dự	Đào Thị Vân Anh	Ths. Vũ Thị Hà
75	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH dây nâng an toàn Thanh Long	Nguyễn Nguyệt Anh	Ths. Vũ Thị Hà

76	ĐHCQ	Phân tích kết quả kinh doanh và khả năng sinh lời tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ngọc Ánh	Nguyễn Văn Trường	Ths. Vũ Thị Hà
77	ĐHCQ	Nâng cao lợi nhuận tại công ty TNHH khoáng sản Hatico	Nguyễn Minh Anh	Ths. Quản Thị Thu Huyền
78	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH thương mại Hòa Phát	Phạm Quốc Phong	Ths. Quản Thị Thu Huyền
79	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH 1 thành viên Thái Bình	Trịnh Thu Trang	Ths. Phạm Thị Mị
80	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty cổ phần Xây dựng Năng lượng 69- tỉnh Điện Biên	Phạm Vân Anh	Ths. Phạm Thị Mị
81	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính của công ty TNHH Thiên Sơn Hưng Yên	Trần Đức Anh	Ths. Phạm Thị Mị
82	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty cổ phần giao nhận hàng không AAL	Lê Nguyễn Yến Lâm	Ths. Phạm Thị Mị
83	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh Lào Cai	Trần Quang Tuấn	Ths. Trần Thị Thanh Vân
84	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động cho vay tiêu dùng tại Vietinbank chi nhánh Bắc Hưng Yên	Đặng Tiến Thành	Ths. Trần Thị Thanh Vân
85	ĐHCQ	Mở rộng cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng Agribank chi nhánh Sông Đà-Hòa Bình	Trần Quốc Trung	Ths. Trần Thị Thanh Vân
86	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng hoạt động cho vay hộ trồng quýt tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường Khương - Lào Cai II	Tăng Nhật Long	Ths. Luyện Thùy Dung
87	ĐHCQ	Phát triển hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương - Chi nhánh Bắc Ninh	Phạm Hồng Nhung	Ths. Luyện Thùy Dung
88	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và du lịch Minh Quang	Cao Thu Phương	Ths. Trương Thị Đức Giang
89	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ Chi nhánh Hà Nội	Nguyễn Bình Nguyên	Ths. Trương Thị Đức Giang
90	ĐHCQ	Kết quả kinh doanh và khả năng sinh lời của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Hưng Yên	Đỗ Đức Bình	Ths. Trương Thị Đức Giang
91	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty CP văn phòng phẩm Hồng Hà	Trình Đình Hải	Ths. Trương Thị Đức Giang

92	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH Phú Cường	Hoàng Ngọc Dũng	Ths. Quan Thị Thu Huyền
93	ĐHCQ	Quản lý chi phí sản xuất kinh doanh và hạ giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp tư nhân sản xuất và thương mại Minh Nhật Văn Lâm	Đào Thị Quỳnh Trang	Ths. Quan Thị Thu Huyền
94	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính công ty TNHH ADL Việt Nam	Nguyễn Đức Phương	Ths. Quan Thị Thu Huyền
95	ĐHCQ	Thực trạng tuyển dụng nhân lực tại công ty CP phát triển WEDO	Lê Thị Dung	Ths. Kim Thị Hạnh
96	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại công ty TNHH mực in Sắc Việt	Nguyễn Thị Bích Diệp	Ths. Kim Thị Hạnh
97	ĐHCQ	Thực trạng Truyền thông Marketing của công ty CP Xuất nhập khẩu BIOVET	Vũ Thị Dương	Ths. Kim Thị Hạnh
98	ĐHCQ	Thực trạng trả lương cho người lao động tại CT TNHH SAMSUNG INOX	Chu Thị Linh	Ths. Kim Thị Hạnh
99	ĐHCQ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại công ty TNHH Thái Hòa	Nguyễn Thị Thu Hiền	Ths. Kim Thị Hạnh
100	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực của công ty TNHH Thương Mại và sản xuất Đức Hải	Hoàng Thị Mận	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy
101	ĐHCQ	Thực trạng tạo động lực lao động tại công ty TNHH Thương mại Phương Hải Anh	Nguyễn Thị Phương	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy
102	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty TNHH FUJI STAR VIỆT NAM	Lê Ngọc Phú	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy
103	ĐHCQ	Xây dựng chiến lược Marketing điện tử tại công ty TNHH Sản xuất và thương mại kim khí Trung Hiếu	Trần Minh Nhật	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy
104	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ tại công ty cổ phần giải pháp chuỗi cung ứng SMARTLOG	Lê Trường Giang	Ths. Nguyễn Thị Hồng Thúy
105	ĐHCQ	Thực trạng công tác đào tạo nhân lực tại CT TNHH Đầu tư và dịch vụ Lan Chi	Trần Thị Thu Hương	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh
106	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty CP Công nghệ SAPO	Nguyễn Thị Hương	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh
107	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm thông qua công cụ Marketing mix tại Công ty CP Kiến trúc và thương mại V6DESIGN	Nguyễn Minh Hiếu	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh
108	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nhân lực tại công ty CP	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh

		TECHNOKOM		
109	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty CP tập đoàn GIOVANNI	Phạm Ngọc Việt	Ths. Nguyễn Thị Thu Linh
110	ĐHCQ	Quản trị mua hàng tại công ty CP TECHNOKOM	Phạm Thị Ngọc Huyền	Ths. Phạm Linh Chi
111	ĐHCQ	Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư và Thương mại TECHCO	Nguyễn Thị Diệu Linh	Ths. Phạm Linh Chi
112	ĐHCQ	Hoàn thiện chính sách phân phối sản phẩm tại công ty TNHH Trường Hải	Đỗ Thị Ngọc Luyến	Ths. Phạm Linh Chi
113	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng nhân sự công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nguyễn Cường	Phạm Thị Thúy Hằng	Ths. Phạm Linh Chi
114	ĐHCQ	Giải pháp tạo động lực cho người lao động tại công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Quý	Vũ Thanh Tùng	Lê Nguyên Tùng
115	ĐHCQ	Hoàn thiện triển khai chiến lược tham nhập thị trường miền Bắc tại công ty TNHH Bao bì Việt Hưng	Bùi Văn Thiệp	Lê Nguyên Tùng
116	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm phát triển hoạt động Marketing tại công ty TNHH hệ thống giáo dục kỹ năng sống WINWIN	Phạm Thu Thủy	Lê Nguyên Tùng
117	ĐHCQ	Hình thành tuyển dụng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty TNHH Thực phẩm ORION VINA11	Lê Thị Thùy Trang	Lê Nguyên Tùng
118	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh bao bì Tân Thành Đạt	Phạm Thị Phương Linh	Lê Nguyên Tùng
119	ĐHCQ	Hoàn thiện triển khai chiến lược kinh doanh tại công ty cổ phần Điện lạnh Chương Dương	Nguyễn Thị Hồng	TS. Đỗ Tiên Tới
120	ĐHCQ	Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty TNHH May Minh Anh	Nguyễn Thị Hòa	TS. Đỗ Tiên Tới
121	ĐHCQ	Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý lao động tại công ty TNHH May Minh Anh	Nguyễn Thị Lan Hương	TS. Đỗ Tiên Tới
122	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại chi nhánh Công ty CP MEDIAMART Việt Nam tại Hưng Yên	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	TS. Đỗ Tiên Tới
123	ĐHCQ	Giải pháp nhằm hoàn thiện các chính sách Marketing tại công ty CP tập đoàn ThaiCom	Nguyễn Công Đại	TS. Đỗ Tiên Tới

124	ĐHCQ	Thực trạng công tác tiêu thụ sản phẩm Tại CT CP Đại Thành	Lê Văn Đức	
125	ĐHCQ	Đẩy mạnh xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của công ty CP DECOR Việt sang thị trường EU	Nguyễn Giang Phi Hùng	TS. Đào Văn Tú
126	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty CP in Tô Hiệ	Lê Thị Phương Anh	Ths. Nguyễn Thị Ngát
127	ĐHCQ	giải pháp Marketing nhằm đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại công ty CP Tập đoàn GIOVANNI	Lưu Thị Vân Anh	Ths. Nguyễn Thị Ngát
128	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động Marketing tại công ty TNHH Bao bì Việt Hưng	Đỗ Dương Tùng	Ths. Nguyễn Thị Ngát
129	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tạo động lực cho người lao động tại công ty TNHH JNC FILTER Việt Nam	Nguyễn Việt Khoa	Ths. Nguyễn Thị Ngát
130	ĐHCQ	Giải pháp hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty Cổ phần Yên Sơn	Nguyễn Minh Khôi	Ths. Nguyễn Thị Ngát
131	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty CP Tư vấn và xây lắp Quang Hưng	Đỗ Tuấn Đạt	TS. Lê Minh Hạnh
132	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nhân lực tại công ty TNHH phát triển Công nghệ Mặt Trời	Nguyễn Xuân Hưng	TS. Lê Minh Hạnh
133	ĐHCQ	Một số giải pháp nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm của công ty TNHH May Đức Giang	Nguyễn Thu Hằng	TS. Lê Minh Hạnh
134	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị bán hàng tại công ty TNHH MTV Huy Vọng	Phạm Thị Mỹ Linh	TS. Lê Minh Hạnh
135	ĐHCQ	Thực trạng công tác phân tích công việc tại công ty CP Đầu tư và tư vấn kiểm định công nghệ xây dựng Hà Nội	Nguyễn Thăng Linh	TS. Lê Minh Hạnh
136	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty TNHH tự động hóa Long Vũ	Bồ Thị Mỹ Linh	Ths. Bùi Thị Minh Phương
137	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty TNHH giải pháp kỹ thuật và dịch vụ REVOTEK	Nguyễn Thị Quỳnh	TS. Đỗ Tiến Tới TS. Lê Minh Hạnh Ths. Bùi Thị Minh Phương
138	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty TNHH dịch vụ TISANMIC	Thiều Thị Như Quỳnh	Ths. Bùi Thị Minh Phương
139	ĐHCQ	Thực trạng và một số giải pháp nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm ở công ty CP Kinh doanh chế biến lâm sản xuất khẩu Yên Bái	Nguyễn Phương Thanh	Ths. Bùi Thị Minh Phương

140	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty CP công nghệ SAPO	Nguyễn Hương Thảo	Ths. Bùi Thị Minh Phương
141	ĐHCQ	Phân tích hiệu quả kinh doanh tại công ty TNHH Phần mềm Phương Chi	Đình Thái Nam	TS. Nguyễn Quang Hiệp
142	ĐHCQ	Phân tích thực trạng hoạt động Marketing tại công ty CP Đầu tư Long Biên - Chi nhánh sân GOLF Long Biên	Đào Thị Trà My	TS. Nguyễn Quang Hiệp
143	ĐHCQ	Thực trạng nguồn nhân lực và một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nhân lực tại công ty sản xuất và thương mại thép Thoan Nga - TNHH	Nguyễn Bình Lộc	TS. Nguyễn Quang Hiệp
144	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kênh phân phối đồ nội thất tại công ty TNHH tập đoàn BAMBOO	Lèo Thị Luyến	TS. Nguyễn Quang Hiệp
145	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm của nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc Minh Tâm	Nguyễn Đồng Tâm	TS. Nguyễn Quang Hiệp
146	ĐHCQ	Giải pháp hoàn thiện kênh phân phối hàng may mặc tại CT TNHH MUO VINA	Phùng Thị Phương	Ths. Nguyễn Thị Thủy
147	ĐHCQ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing tại công ty bảo hiểm BIDV Quảng Ninh	Lâm Tô Quỳnh	Ths. Nguyễn Thị Thủy
148	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại xí nghiệp may xuất khẩu Yên Mỹ	Phạm Thị Ngọc Quỳnh	Ths. Nguyễn Thị Thủy
149	ĐHCQ	Giải pháp hoàn thiện công tác tuyển dụng nguồn lao động tại công ty May Minh Anh	Lương Thị Tâm	Ths. Nguyễn Thị Thủy
150	ĐHCQ	Giải pháp Marketing nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ môi trường QC	Trương Thị Hồng Tuyên	Ths. Nguyễn Thị Thủy
151	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao động lực làm việc cho người lao động tại công ty CP Nam Châm Việt Nam	Trần Huy Tú	Ths. Vũ Thị Thắng
152	ĐHCQ	Hoàn thiện kênh phân phối sản phẩm của công ty TNHH Xây dựng và cơ khí Xuân Cường	Nguyễn Văn Thiện	Ths. Vũ Thị Thắng
153	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình bán hàng của công ty CP Đầu tư công nghệ sơn APEX Việt Nam	Tô Trí Thành	Ths. Vũ Thị Thắng
154	ĐHCQ	Vận dụng quan hệ công chúng trong kinh doanh sản phẩm và dịch vụ cơ khí tại công ty TNHH GSP Bắc Ninh	Đào Thị Thu Trang	Ths. Vũ Thị Thắng

155	ĐHCQ	Hoàn thiện chính sách sản phẩm của công ty TNHH thương mại và sản xuất thiết bị xây dựng Mạnh Quang	Ngô Thị Hồng Vân	Ths. Vũ Thị Thăng
156	ĐHCQ	Pháp triển thương hiệu Taxi Olympic của công ty TNHH sản xuất và thương mại Olympic	Nguyễn Hoài Nam	Ths. Đỗ Thị Nhài
157	ĐHCQ	Các giải pháp nâng cao hiệu quả bán hàng tại công ty TNHH Sản xuất thép Trường Anh	Nguyễn Thị Nguyệt	Ths. Đỗ Thị Nhài
158	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty TNHH Bao bì Nhựa Song Ân	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Ths. Đỗ Thị Nhài
159	ĐHCQ	Phân tích văn hóa doanh nghiệp tại công ty TNHH SUFAT Việt Nam	Trịnh Như Phương	Ths. Đỗ Thị Nhài
160	ĐHCQ	Quản trị kênh phân phối sản phẩm tại công ty TNHH Đại Thăng	Lò Thị Thu	Ths. Đỗ Thị Nhài
161	ĐHCQ	Thực trạng tiêu thụ sản phẩm tại CTCP BIGRFEED Hưng Yên	Lê Quang Bình	Ths. Kim Thị Hạnh
162	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Doan Nguyễn	Nguyễn Thị Huyền Chang	Bùi Thị Vân
163	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Cảnh quan Trịnh Thập	Đỗ Minh Đức	Bùi Thị Vân
164	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán thanh toán tại Công ty TNHH một thành viên In Kim Chung	Nguyễn Thị Huệ	Bùi Thị Vân
165	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Vũ Thu Thảo	Bùi Thị Vân
166	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng Đăng Vinh	Lê Tuấn Vũ	Bùi Thị Vân
167	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán hàng hoá tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Quang Phát	Vũ Thị Ngọc Uyên	Bùi Thị Vân
168	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Hoà Phát	Nguyễn Thị Phương Thùy	Bùi Thị Vân
169	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch VietNam tour Tailor	Trần Thu Thùy	Bùi Thị Vân
170	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty CP xuất nhập khẩu Suwon vina	Ngô Thị Liên	Cao Thị Hằng
171	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác	Vương Minh	Cao Thị Hằng

		định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần cân điện tử Tuấn Phát	Thư		
172	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH vận tải - thương mại Nam Thăng	Cao Thị Hoài	Cao Thị Hằng	
173	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Sơn	Phạm Đức Việt	Cao Thị Hằng	
174	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại CN. Công ty TNHH DVTM XNK Việt Anh	Đoàn Thị Phương Anh	Cao Thị Hằng	
175	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Quỳnh Ngoan	Trịnh Hồng Hạnh	Cao Thị Hằng	
176	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH thương mại thời trang Hải Đăng	Trần Kiều My	Cao Thị Hằng	
177	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Tae Seung Vina	Đào Thị Mai Ngọc	Cao Thị Hằng	
178	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP tư vấn xây dựng thiết bị và du lịch Á Châu	Nguyễn Thanh Thủy	Cao Thị Hằng	
179	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Anh Linh	Đinh Mai Hương	Đào Thị Hằng	
180	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thiên Lộc	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Đào Thị Hằng	
181	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thủy Lâm	Hoàng Đức Tiến	Đào Thị Hằng	
182	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Minh Nhật Phát	Chu Hà Mỹ	Đào Thị Hằng	
183	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH bao bì và thương mại Đại Dương	Hoàng Thị Thắm	Đào Thị Hằng	
184	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Innovative shield Việt Nam	Trịnh Thị Lan	Đào Thị Hằng	
185	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH cộng đồng 18/4	Nguyễn Diệu Mây	Đào Thị Hằng	
186	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	Phạm Thị Hồng Nhung	Đào Thị Hằng	

		cổ phần quốc tế Telehouse Việt Nam		
187	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí và giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Thiên Thanh	Chu Yến Nhi	Đào Vân Anh
188	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP Tiến Thành	Tạ Thị Quỳnh	Đào Vân Anh
189	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty TNHH ĐHC	Nguyễn Hải Chuyền	Đỗ Thị Loan
190	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Du Lịch và Thương mại Joymark Việt Nam	Trịnh Thu Hằng	Đỗ Thị Loan
191	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Hustech Việt Nam	Đinh Thị Hoa	Đỗ Thị Loan
192	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Điện Tử Xuân Trường TH	Dương Thị Linh	Đỗ Thị Loan
193	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty cổ phần Công nghệ Nguyễn Kim	Chu Thị Ánh	Đỗ Thị Loan
194	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty TNHH điện tử Nam Hải	An Thị Hằng	Đỗ Thị Loan
195	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Giấy Thịnh Hòa	Đặng Thu Quỳnh	Đỗ Thị Loan
196	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty Cổ phần Hóa Nông AMC	Lê Thị Thu Hiền	Đỗ Thị Loan
197	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đại Group Việt.	Nguyễn Thu Hằng	Đoàn T Hồng Thịnh
198	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Truyền Thông Âu Lạc	Phan Thị Thanh Tâm	Đoàn T Hồng Thịnh
199	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền, thanh toán tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại Minh Phong.	Nguyễn Thị Thương	Đoàn T Hồng Thịnh
200	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP SX & KD Phụ liệu ngành may Hà Nội	Nguyễn Thị Huyền Trang	Đoàn T Hồng Thịnh
201	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương Mại Và Dịch Vụ Y tế Việt (Vietmedical)	Nguyễn Thanh Tùng	Đoàn T Hồng Thịnh

202	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Bảo Minh	Vũ Quang Minh	Đoàn T Hồng Thịnh
203	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ Phần Pororo Việt Nam	Lê Thị Hồng Nhung	Đoàn T Hồng Thịnh
204	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP Thương Mại Kỹ Nghệ Việt Green	Lê Thị Hoa	Đoàn T Hồng Thịnh
205	ĐHCQ	Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng Công ty TNHH liên kết đầu tư livabin	Phạm Linh Giang	Đoàn Thị Phương
206	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu vật liệu Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thành	Phan Ngọc Lan	Đoàn Thị Phương
207	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng Công ty TNHH Gia Long Phát	Nguyễn Thị Thương	Đoàn Thị Phương
208	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu vật liệu Công ty TNHH Vỹ Tuyền	Đoàn Thị Tươi	Đoàn Thị Phương
209	ĐHCQ	Hoàn thiện tiền lương và các khoản trích theo lương Công ty TNHH TM và DV Vận tải Thành Phát Hưng Yên	Chu Thủy Quỳnh	Đoàn Thị Phương
210	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng Chi nhánh Công ty CP nước uống tinh khiết Sài Gòn SAPUWA	Chu Thị Hoài Thu	Đoàn Thị Phương
211	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Công ty CP JOTON tại Hải Dương	Vũ Minh Nguyệt	Đoàn Thị Phương
212	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương Vũ Thị Mai Anh	Vũ Thị Mai Anh	Đoàn Thị Phương
213	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng Công ty TNHH Minh Long	Nguyễn Tùng Dương	Đoàn Thị Phương
214	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng Công ty cổ phần thương mại Thú Y Á Châu	Phạm Thị Thúy Ngân	Đoàn Thị Phương
215	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Quốc Quốc.	Hoàng Thị Phương	Dương Thị Thiều
216	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Minh Trí	Lê Hải Yến	Dương Thị Thiều
217	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SXTM và DV Quang Anh	Dương Văn Minh	Dương Thị Thiều

		Phát		
218	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần ô tô KCV Thăng Long	Đoàn Thị Ngọc Ánh	Dương Thị Thiều
219	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tập đoàn Gia Tộc Việt	Trần Thị Liên	Dương Thị Thiều
220	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà.	Nguyễn Thị Nụ	Dương Thị Thiều
221	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần In Tài chính	Nguyễn Thị Mai Anh	Dương Thị Thiều
222	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty CP Viễn Thông Đầu tư và Thương Mại Quốc Tế	Nguyễn Quỳnh Hương	Dương Thị Thiều
223	ĐHCQ	hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SXTMDV Tâm Trường Phát	Trần Thị Thảo	Dương Thị Thiều
224	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng Công ty TNHH MTV phát triển TM Sơn Anh	Nguyễn Thị Phương Anh	Lê Hồng Kỳ
225	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CC- DC Công ty cổ phần công nghệ nhựa	Chữ Thị Thu Ngân	Lê Hồng Kỳ
226	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán TL & các khoản trích theo lương Công ty cổ phần nhôm và cơ khí xây lắp Việt Pháp	Đinh Thị Lan Anh	Lê Hồng Kỳ
227	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán CPSX & tính giá thành sản phẩm Công ty TNHH Khánh Hưng Phát	Nguyễn Minh Tân	Lê Hồng Kỳ
228	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán tập hợp CPSX & tính giá thành sản phẩm Công ty TNHH MTV Tân Thành Lạng Sơn	Mông Thành Nghĩa	Lê Hồng Kỳ
229	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD Công ty cổ phần XNK và đầu tư Vinakitchen	Nguyễn Thị Hoài Thu	Lê Hồng Kỳ
230	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQKD Công ty cổ phần DNA Việt Nam	Phạm Thùy Dương	Lê Hồng Kỳ
231	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CC- DC Công ty TNHH Nam Lợi	Lèng Bình Hưng	Lê Hồng Kỳ
232	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQ kinh doanh Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Xuất Nhập Khẩu Đại Phú	Cao Hải Yến	Lê Hồng Kỳ
233	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần xây dựng Lào Cai	Vũ Thị Cẩm Nhung	Lê Thị Bình

234	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Vận Tải CIMC5	Vũ Thị Vân Anh	Lê Thị Bình
235	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Techco Việt Nam	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Lê Thị Bình
236	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sapa Việt Nam	Lại Thu Uyên	Lê Thị Bình
237	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần liên doanh TH Bike Việt Nam	Lưu Thị Thanh Hà	Lê Thị Bình
238	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Cty TNHH sản xuất, thương mại và dịch vụ Đông Tùng	Vũ Thị Thùy Linh	Lê Thị Bình
239	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Evergreen Đầu Tư	Nguyễn Thu Hồng	Lê Thị Bình
240	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Một Thành Viên 76	Trần Thị Hằng	Lê Thị Bình
241	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Công nghiệp HTH	Dương Hải Anh	Lê Thị Bình
242	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Thương Mại và dịch vụ màu xanh Việt	Hoàng Diệu Linh	Lê Thị Loan
243	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và kết quả bán hàng tại Công ty CP thiết bị và Đầu tư Việt Nam	Đỗ Thu Hương	Lê Thị Loan
244	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Trường Phúc Hưng Yên	Đặng Thị Hoài Lam	Lê Thị Loan
245	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP Cơ khí Mạnh Phát	Đồng Thị Hà	Lê Thị Loan
246	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sơn Hoà Bình - chi nhánh Hưng Yên	Đỗ Thị Hằng	Nguyễn Hải Hà
247	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng Thành Đạt	Bùi Thị Huế	Nguyễn Hải Hà
248	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CPTM Bình An 56	Phạm Thanh Huyền	Nguyễn Hải Hà

249	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần sản xuất chế tạo và thương mại Đức Anh	Nguyễn Kim Oanh	Nguyễn Hải Hà
250	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TM&SX hàng may mặc Hải Tuấn	Nguyễn Thu Trang	Nguyễn Hải Hà
251	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH FISA Việt Nam	Lưu Bảo Linh	Nguyễn Hải Hà
252	ĐHCQ	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN OANH BA	Nguyễn Thảo Oanh	Nguyễn Hải Hà
253	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Hồng Luận	Nguyễn Phương Linh	Nguyễn Hải Hà
254	ĐHCQ	HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHỰA HOÀNG HÀ	Phạm Hương Ly	Nguyễn Hải Hà
255	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco.	Đỗ Phương Dung	Nguyễn Phương Hạnh
256	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần may và thương mại Tiên Lữ.	Nguyễn Thu Hiền	Nguyễn Phương Hạnh
257	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH hóa mỹ phẩm Hồng Đạt.	Đỗ Thanh Hoa	Nguyễn Phương Hạnh
258	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Minh Châu	Lê Minh Ngọc	Nguyễn Phương Hạnh
259	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Galaxy.	Trần Thu Trang	Nguyễn Phương Hạnh
260	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu và đầu tư Tân Gia Linh.	Nguyễn Hiền Mai	Nguyễn Phương Hạnh
261	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại Quang Vinh	Nguyễn Văn Huy	Nguyễn Phương Hạnh
262	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH phát triển thương mại và sản xuất Đức Anh	Đào Thị Ánh Tuyết	Nguyễn Phương Hạnh
263	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Mạnh Tùng	Nguyễn Duy Hạnh	Nguyễn Quốc Thắng

264	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Kinh Đô	Tạ Xuân Mai	Nguyễn Quốc Thắng
265	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Tiên Hưng	Phạm Thanh Hải	Nguyễn Quốc Thắng
266	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần May Việt ý	Nguyễn Vũ Hoàng	Nguyễn Quốc Thắng
267	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần thương mại & Dịch vụ toàn cầu Express	Nguyễn Thùy Linh	Nguyễn Quốc Thắng
268	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Đông Âu	Nguyễn Quỳnh Anh	Nguyễn Quốc Thắng
269	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Mông Sơn	Cao Huyền Phương	Nguyễn Quốc Thắng
270	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thực phẩm H.E.R.O	Vũ Minh Đức	Nguyễn Quốc Thắng
271	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Hoàng Dương	Trần Thị Cúc	Nguyễn Quốc Thắng
272	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dược phẩm Linh Đạt	Vũ Thị Thúy	Nguyễn Quốc Thắng
273	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ kỹ thuật Trường Thành Hà Nội	Dương Thu Nga	Nguyễn T Hồng Hạnh
274	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh Công ty Cổ Phần Thương Mại Duphagol Việt Nam	Nguyễn Ngọc Sơn	Nguyễn T Hồng Hạnh
275	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp Công ty cổ phần tư vấn phát triển xây dựng Sông Hồng	Dương Thị Hương Quỳnh	Nguyễn T Hồng Hạnh
276	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Trịnh Điện	Trịnh Thị Ánh	Nguyễn T Hồng Hạnh
277	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán lưu chuyển hàng hóa Công ty TNHH Dược Phẩm Mạnh Anh	Đoàn Thị Hồng Khánh	Nguyễn T Hồng Hạnh
278	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dịch vụ cho thuê tài sản Công ty Cổ Phần Thiết Bị Ngành May Thành Đạt	Lều Thu Thủy	Nguyễn T Hồng Hạnh
279	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương công ty	Bùi Thị Khánh Linh	Nguyễn T Hồng Hạnh

		TNHH đầu tư và xây dựng thương mại Mỹ Phong		
280	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và xác định KQKD tại Công ty TNHH J.S.T VINA	Lê Thị Lệ	Nguyễn T kim Dung
281	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Nam Hà Nội	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nguyễn T kim Dung
282	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và xác định KQKD tại Công ty TNHH cây xanh Hưng Yên 176	Nguyễn Thị Huyền	Nguyễn T kim Dung
283	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Xuân Thành	Trịnh Ánh Hồng	Nguyễn T kim Dung
284	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần dược thiết bị Y tế Hà Giang	Bùi Khánh Huyền	Nguyễn T kim Dung
285	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH điện lạnh tin học Huân Hôn	Phạm Thị Thu Nhân	Nguyễn T kim Dung
286	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán Nguyên vật liệu và Công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH Bao bì nhựa Thái Hà	Nguyễn Thị Thu Huế	Nguyễn T kim Dung
287	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Hw Sung Tech	Phạm Thị Thanh Huyền	Nguyễn T Minh Tâm
288	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hạnh Đức Anh	Nguyễn Thị Hải Anh	Nguyễn T Minh Tâm
289	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng oto, xe máy Hưng Yên	Nguyễn Như Phương	Nguyễn T Minh Tâm
290	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Thương mại và Cơ khí Việt Hưng	Vương Đức Mạnh	Nguyễn T Minh Tâm
291	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH NITTA - Sông Đáy	Dương Thị Huyền Trang	Nguyễn T Minh Tâm
292	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Vật liệu xây dựng Gia Huy	Lê Thị Hà	Nguyễn T Phương Hoa
293	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Tiến Đạt	Đặng Ngọc Anh	Nguyễn T Phương Hoa
294	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH thương mại và vận tải Hải	Trần Thị Lụa	Nguyễn T Phương Hoa

		Long		
295	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên PVH	Phạm Thị Diễm	Nguyễn T Phương Hoa
296	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH văn phòng phẩm Việt Bích	Hoàng Thị Hoa	Nguyễn T Phương Hoa
297	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Quân	Nguyễn Thành Trung	Nguyễn T Phương Hoa
298	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản Xuất TM Tú Anh	Nguyễn Thị Minh Huệ	Nguyễn T Phương Hoa
299	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ thương mại sản phẩm da VIHADA	Chu Quốc Ngọc	Nguyễn T Phương Hoa
300	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH MTV dịch vụ ô tô CTD	Trần Thị Thanh Huệ	Nguyễn T Vân Thanh
301	DHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Thiên Long Vương	Phạm Thị Lan Hương	Nguyễn T Vân Thanh
302	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sản Xuất và TM Anh Hậu	Lương Thị Huyền	Nguyễn T Vân Thanh
303	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phương Gia Huy	Nguyễn Thị Sang	Nguyễn T Vân Thanh
304	DHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Sơn Tùng	Đặng Phương Thảo	Nguyễn T Vân Thanh
305	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất và thương mại ISHI LT Việt Nam	Phan Thị Loan	Nguyễn T Vân Thanh
306	DHCQ	Hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH Hatuba	Phạm Thị Linh	Nguyễn T Vân Thanh
307	DHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Hợp nhất Thành Vượng	Lê Thị Minh Thư	Nguyễn Thanh Bình
308	DHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng tại Công ty cổ phần in và phát triển thương mại Hà Nội	Nguyễn Thị Hằng	Nguyễn Thanh Bình

309	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP phát triển hạ tầng dệt may KCN Phố Nối B	Nguyễn Tá Hải Long	Nguyễn Thanh Huyền	
310	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP phát triển hạ tầng dệt may KCN Phố Nối B	Chu Thị Trà My	Nguyễn Thanh Huyền	
311	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Yên Thành	Vũ Phương Thảo	Nguyễn Thanh Huyền	
312	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng Tuyên Quang	Phạm Thị Thu Giang	Nguyễn Thanh Huyền	
313	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP Nội Thất Trần Gia	Trần Thị Khánh Hà	Nguyễn Thanh Huyền	
314	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Bát Tràng và gốm Gia Bảo	Nguyễn Thị Thu	Nguyễn Thanh Huyền	
315	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH May Sao Việt- Hà Nam	Đỗ Thị Thanh Thúy	Nguyễn Thanh Huyền	
316	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Nhà máy gạch Lạc Sơn	Bùi Thị Thúy Quỳnh	Nguyễn Thanh Huyền	
317	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Long Tâm Nhìn	Đỗ Thị Mến	Nguyễn Thị Đào	
318	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Đầu tư xây dựng phát triển Việt Tiệp	Trịnh Thị Hồng Nhung	Nguyễn Thị Đào	
319	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần xây dựng Tâm An	Lê Thị Hà	Nguyễn Thị Đào	
320	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty TNHH May Việt Cường	Nguyễn Thị Hậu	Nguyễn Thị Đào	
321	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại máy tính Trọng Tín	Đỗ Thị Bình Nhi	Nguyễn Thị Đào	
322	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Du Lịch và Công nghệ Đất Việt	Hà Thùy Dung	Nguyễn Thị Đào	
323	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Tuynel Kim Bôi	Đào Thị Duyên	Nguyễn Thị Đào	
324	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ	Hoàng Thị Tiến	Nguyễn Thị Đào	

		Đông Đô		
325	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Tân Đông Dương Hà Nội	Vũ Hải Yến	Nguyễn Thị Hải
326	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty Chế biến nông sản Quảng Ba	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nguyễn Thị hải
327	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Sản Phẩm Khoa Học Và Công Nghệ Việt Nam	Hà Thị Ngọc Lan	Nguyễn Thị Hải
328	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty CP Dược Phẩm Asean	Trương Quỳnh Hương	Nguyễn Thị Hải
329	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may Hưng Nhân	Trần Thị Minh Anh	Nguyễn Thị Hải
330	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Minh Long	Nông Tuấn Huy	Nguyễn Thị Hải
331	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Xây Dựng và Vật Liệu 319	Bùi Thùy Linh	Nguyễn Thị Hải
332	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty xây dựng Hưng Thành Lạng Sơn	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nguyễn Thị Hải
333	ĐHCQ	Kế toán tiền lương tại cty TNHH đầu tư TM Đoàn Hải Linh	Hoàng Thị Mỹ Linh	Nguyễn Thị Hương
334	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vật liệu xây dựng Dương Tuấn	Nguyễn Thị Ngân	Nguyễn Thị Hương
335	ĐHCQ	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Afico Ricoh Việt Nam	Phạm Thị Hạnh	Nguyễn Thị Hương
336	ĐHCQ	Kế toán thuế GTGT tại cty TNHH TM&DV vận tải Thái Thuận Phát	Vũ Thị Thùy Tiên	Nguyễn Thị Hương
337	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng tại cty xăng dầu khu vực 1- Công ty TNHH MTV	Phạm Minh Hằng	Nguyễn Thị Hương
338	ĐHCQ	Kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong DNTM cty điện lực Đống Đa	Hồ Huyền Trang	Nguyễn Thị Hương
339	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương Công ty Cổ Phần DIATOMITE Việt Nam	Phan Thị Minh Thu	Nguyễn Thị Hương

340	ĐHCQ	Kế toán bán hàng và XĐKQKD tại cty CP công nghệ Hợp Long	Vũ Thị Mai Anh	Nguyễn Thị Hương	
341	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản nợ phải thu tại Công ty cổ phần quảng cáo và nội thất Gia Phát	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nguyễn Thị Ngoan	
342	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần vật tư tổng hợp Bắc Ninh	Nguyễn Thị Liên	Nguyễn Thị Ngoan	
343	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Thái Thuận Phát	Nguyễn Thùy Linh	Nguyễn Thị Ngoan	
344	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hạ Long Group	Lê Thảo Vi	Nguyễn Thị Ngoan	
345	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Cha Kum Sang Việt Nam	Nguyễn Khánh Linh	Nguyễn Thị Ngoan	
346	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Sáng	Lương Thanh Thuận	Nguyễn Thị Ngoan	
347	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần Amigo Việt Nam	Đỗ Thị Kiều Trang	Nguyễn Thị Ngoan	
348	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Hưng Gia Nam	Nguyễn Thị Hải Yên	Nguyễn Thị Ngoan	
349	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL và CCDC tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Văn Hùng	Hồ Hương Ly	Nguyễn Thị Ngoan	
350	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Trang Nguyên	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyễn Thị Ngoan	
351	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần in và dịch vụ thương mại Kinh Bắc	Trần Thị Như Quỳnh	Nguyễn Thị Thu	
352	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty cổ phần giao thông vận tải và dịch vụ thương mại Thiên Phú	Nguyễn Thị Dung	Nguyễn Thị Thu	
353	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Hưng Yên	Lê Thị Bích Hằng	Nguyễn Thị Thu	

354	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần công nghệ hóa Thái Hiền	Trần Thị Hậu	Nguyễn Thị Thu
355	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XDKQ bán hàng tại công ty TNHH TM và DV Thăng Thủy	Phan Thị Thanh Hiền	Nguyễn Thị Thu
356	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Minh Trí	Vũ Thị Huệ	Nguyễn Thị Thu
357	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần cơ khí xây dựng và thương mại Nam Cường	Lê Thị Thanh Hương	Nguyễn Thị Thu
358	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH SL Việt Nam	Phạm Thị Hồng Duyên	Nguyễn Thị Thu
359	ĐHCQ	kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần CODIAC	Nguyễn Thị Kim Thoa	Phạm Ngọc Thảo
360	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Viễn thông – Phát thanh – Truyền hình	Nguyễn Thị Hương Thảo	Phạm Ngọc Thảo
361	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng hoàn thiện Hồng Phúc	Phạm Phương Thảo	Phạm Ngọc Thảo
362	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH SX & TM Hà Thành	Phạm Thị Thảo	Phạm Ngọc Thảo
363	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH ô tô Đông Phong	Đỗ Thị Ngọc Toan	Phạm Thị Hậu
364	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH đầu tư thương mại Đinh Đình Việt Nam	Hoàng Thị Ngoan	Phạm Thị Hậu
365	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH sản xuất thương mại và xuất nhập khẩu Lụa Tuyết	Vũ Thị Thu Trang	Phạm Thị Hậu
366	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần dịch vụ văn phòng Bắc Hà	Trần Thị Nga	Phạm Thị Hậu
367	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Và Vận Tải Tuấn Vinh	Đỗ Thị Oanh	Phạm Thị Hậu

368	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH ĐT-DV Lan Chi	Nguyễn Hồng Nhung	Phạm Thị Hậu	
369	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty CP thời trang GENVIET	Đỗ Thị Linh	Phạm Thị Hậu	
370	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH xây dựng Trung Tín	Trần Mỹ Linh	Phạm Thị Hậu	
371	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và XĐKQKD Công ty TNHH Đầu tư TM và DV Phương Lan	Ngô Thị Tuyết	Phạm Thu Hương	
372	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương CTCP Tập Đoàn XD Phú Phương	Trịnh Thị Thu Hiền	Phạm Thu Hương	
373	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD Công ty TNHH REX VINA	Lê Thị Nguyệt	Phạm Thu Hương	
374	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL Công ty TNHH SUNCOVINA	Đinh Thị Phương Hà	Phạm Thu Hương	
375	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD Công ty TNHH Phúc Đại Việt	Phan Thị Yến	Phạm Thu Hương	
376	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD Công ty TNHH Thiết Bị Phụ Tùng Chuyên Dùng Xăng Dầu	Trần Thị Huyền Hạnh	Phạm Thu Hương	
377	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL Công ty TNHH Minh Long	Nguyễn Thị Phương Tiệp	Phạm Thu Hương	
378	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương Công ty TNHH nhựa Vĩnh Hưng	Phan Thị Huyền Trang	Phạm Thu Hương	
379	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD CTCP Thiết Bị Ngành May Thành Đạt	Nguyễn Thu Phương	Phạm Thu Hương	
380	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Liên doanh Việt Ấn	Lương Thị Thanh Hiền	Trần Đức Hùng	
381	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dịch vụ Thái Anh	Trịnh Đức Thành	Trần Đức Hùng	
382	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Dụng cụ Cơ khí số 1	Nguyễn Thị Hoa	Trần Minh Huệ	
383	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Toko Việt Nam	Nguyễn Thị Dáng Hương	Trần Minh Huệ	
384	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH công nghiệp Nam Thái	Chử Thị Khánh	Trần Minh Huệ	

385	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH công nghệ in và bao bì Việt Đức	Dương Trà My	Trần Minh Huệ	
386	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Semapo Vina	Ngô Lâm Oanh	Trần Minh Huệ	
387	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Minh Long	Chu Thị Cẩm Vân	Trần Minh Huệ	
388	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Bắc Nam	Hoàng Thị Hồng Ngát	Trần Minh Huệ	
389	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Hương	Nguyễn Văn Hải	Trần Minh Huệ	
390	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam	Nguyễn Đăng Khánh	Trần Minh Huệ	
391	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Chi phí sản xuất và Tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Quang Hưng	Sên Ngọc Thủy	Trần Minh Huệ	
392	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đức Nam Ninh	Vũ Thị Thảo	Trần Ngân Hà	
393	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cao su Thăng Long	Vũ Thị Thúy	Trần Ngân Hà	
394	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Xây dựng Trường Thịnh	Đỗ Thu Thủy	Trần Ngân Hà	
395	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thạch Bàn	Dương Quốc Trung	Trần Ngân Hà	
396	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Seo Kwang E.v.a	Đỗ Thị Lệ	Trần Ngân Hà	
397	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dệt và Nhuộm Hưng Yên	Vũ Thị Tô Uyên	Trần Ngân Hà	
398	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực	Vũ Thị Hồng Vân	Trần Ngân Hà	
399	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP Dịch vụ Thương mại và Sản xuất Vạn Thành	Đặng Thu Trang	Trần Ngọc Lan	
400	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thiết bị Thanh Nam	Trần Thị Thanh Mai	Trần Ngọc Lan	
401	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại công ty cổ phần inox Hòa Bình	Vũ Thị Hạnh	Trần Thị Lua	

402	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Diện	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Trần Thị Lua	
403	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty Cổ Phần Purastar	Nguyễn Thị Kim	Trần Thị Thúy	
404	ĐHCQ	Hoàn thiện KT DT, CP và XĐKQKD tại Công ty TNHH Thương mại và vận tải Việt Cường Hưng Yên	Nguyễn Thị Mỹ Ninh	Trần Thị Thúy	
405	ĐHCQ	Hoàn thiện KT DT, CP và XĐKQKD tại Công ty Cổ Phần Purastar	Lê Thị Trang	Trần Thị Thúy	
406	ĐHCQ	Hoàn thiện KT DT, CP và XĐKQKD tại Công ty TNHH xây lắp và cung cấp vật tư xây dựng Hòa Phát star	Vũ Thị Trang	Trần Thị Thúy	
407	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty cổ phần BioNutrition	Nguyễn Hải Yến	Trần Thị Thúy	
408	ĐHCQ	Hoàn thiện KT DT, CP và XĐKQKD tại Công ty CP thép Nam Long	Đoàn Thu Uyên	Trần Thị Thúy	
409	ĐHCQ	Hoàn thiện KT TL và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp Long Biên	Đỗ Thị Hiền	Trần Thị Thúy	
410	ĐHCQ	Hoàn thiện KT tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại và đầu tư FORIO	Lê Thị Phương Anh	Trần Thị Thúy	
411	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán TL và các khoản trích theo lương tại Cty TNHH Bình Long	Trần Khánh Ly	Trịnh T Thu Hà	
412	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán TL và các khoản trích theo lương tại Cty CP DV TM Long Hải Jsc	Phạm Thị Hiền	Trịnh T Thu Hà	
413	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Cty TNHH Xuân Thắng - Yên Bái	Đặng Phương Anh	Trịnh T Thu Hà	
414	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Cty TNHH SX và TM Tân Việt Anh	Đỗ Thị Châm	Trịnh T Thu Hà	
415	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán CPSX và tính giá thành SP tại Cty TNHH giống gia cầm Hoàng Hải	Nguyễn Thị Kim Dung	Trịnh T Thu Hà	
416	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán TL và các khoản trích theo lương tại Cty CP TM và XD Phương Đông	Ngô Thị Hằng	Trịnh T Thu Hà	
417	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán BH và XĐ KQKD tại Cty TNHH SX và TM Hương Thảo Hưng Yên	Nguyễn Thị Hiền	Trịnh T Thu Hà	

418	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại DNTN Hưng Hà Tuyên Quang	Lê Phương Linh	Trịnh T Thu Hà
419	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Cty TNHH LYVA	Bùi Thu Phương	Trịnh T Thu Hà
420	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán BH và XD KQKD tại Cty TNHH SX và TM Trường Thịnh Phát Vina	Trịnh Thị Uyên	Trịnh T Thu Hà
421	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Cty TNHH TM Phú Nam	Phan Hải Yến	Trịnh T Thu Hà
422	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Nội Thất Golden Forest	Trần Thị Kim Vị	Trịnh T Thu Hòa
423	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác Kế toán Nguyên vật liệu tại công ty THNN MTV In Đại Dương	Lê Thị Trà My	Trịnh T Thu Hòa
424	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đầu tư QDH Việt Nam	Nguyễn Thị Huyền Trang	Trịnh Thị Điệp
425	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Phát Đạt Group	Đặng Thị Bích Trang	Trịnh Thị Điệp
426	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất THÀNH ĐẠT	Nguyễn Thị Trang	Trịnh Thị Điệp
427	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Thiết Kế Thi Công Nội Thất NCT	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Trịnh Thị Điệp
428	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Lam Hồng	Vũ Thị Thùy Tiên	Trịnh Thị Điệp
429	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Đạt Gia	Đoàn Thị Huệ Trúc	Trịnh Thị Điệp
430	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư Ứng Dụng Sản Xuất Bao Bì Việt	Đỗ Thị Tăng Nhung	Trịnh Thị Điệp
431	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản nợ phải thu tại Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá vina	Nguyễn Thị Thu Hà	Trịnh Thị Điệp
432	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Minh Long VN	Nông Thị Ánh Nguyệt	Trịnh Thị Điệp
433	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phú Cường	Đinh Công Tuấn	Trịnh Thị Điệp

434	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Lê Quân	Hoàng Thị Ngọc Anh	Vũ Mai Phương	
435	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ phần Thép Nam Long	Nguyễn Thị Ba	Vũ Mai Phương	
436	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang	Đặng Trần Hanh	Vũ Mai Phương	
437	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH VOTTO Việt Nam	Võ Thị Thủy	Vũ Mai Phương	
438	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Giày Hưng Yên	Phạm Ngọc Oanh	Vũ Mai Phương	
439	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Máy móc thiết bị Hàng Đức	Phạm Nhâm Hải	Vũ Mai Phương	
440	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Tân Long	Đỗ Thị Hoài Thanh	Vũ Mai Phương	
441	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần nhôm Sông Hồng.	Đỗ Thị Lan Hương	Vũ Thị Thảo	
442	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kiến trúc và xây dựng Long Việt	Đoàn Thị Hường	Vũ Thị Thảo	
443	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Nam Sơn	Nguyễn Đức Quân	Vũ Thị Thảo	
444	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Dịch vụ, sản xuất và thương mại Xuân Đạt	Lê Thị Ngọc Anh	Vũ Thị Thảo	
445	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Khí và TM Động Lực	Tào Quỳnh Anh	Vũ Thị Thảo	
446	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Cơ Khí và TM Động Lực	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Vũ Thị Thảo	
447	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH SX và TM Tân Nam Á Hưng Yên	Trần Thị Huệ	Vũ Thị Thảo	
448	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu vật liệu tại công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ nhựa SK	Nguyễn Thị Phương Anh	Vũ Thị Thảo	
449	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Việt Đức	Cao Thị Ngọc Huyền	Vũ Thị Thảo	

450	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ thương mại Phú Minh An	Nguyễn Thị Huyền	Vũ Thị Thảo
451	ĐHCQ	Bảng chứng kiểm toán và các phương pháp kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH kiểm toán ACOM	Phạm Thị Minh Châu	Đào Vân Anh
452	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	Ngô Minh Đức	Đào Vân Anh
453	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục vốn bằng tiền trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán ACOM thực hiện	Lại Thị Thùy Linh	Đào Vân Anh
454	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ quốc tế Minh Quang	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Lê Thị Loan
455	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH MTV công nghiệp Mai Gia	Nguyễn Thị Huệ Hương	Lê Thị Loan
456	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm toán khoản mục phải thu khách hàng trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán ACOM thực hiện	Đào Thị Mai Anh	Nguyễn T Minh Tâm
457	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam thực hiện	Nguyễn Tiên Dũng	Nguyễn T Minh Tâm
458	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán chu trình bán hàng - thu tiền trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán ACOM thực hiện	Lê Thị Khánh	Nguyễn T Minh Tâm
459	ĐHCQ	Hoàn thiện việc vận dụng thủ tục phân tích trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC thực hiện	Tạ Hương Dương	Trần Ngọc Lan
460	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền do Công ty TNHH Kiểm toán ACOM thực hiện	Lê Quỳnh Hương	Trần Ngọc Lan
461	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán chu trình bán hàng - thu tiền trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Châu Á thực hiện	Vũ Mai Hương	Trần Ngọc Lan
462	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tổ chức kiểm toán khoản mục tiền và các khoản	Đoàn Thị Thùy Linh	Trịnh T Thu Hòa

		tương đương tiền tại Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM-Chi nhánh miền bắc.			
463	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục phải trả nhà cung cấp trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện	Tăng Hữu Minh	Trịnh T Thu Hòa	
464	ĐHCQ	Hoàn thiện các bước lập kế hoạch kiểm toán trong quy trình kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán ACOM thực hiện	Nguyễn Thu Phương	Trịnh T Thu Hòa	
465	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản thu tại UBND phường Quảng Yên	Ngô Thị Diễm Hân	Lê T Ngọc Ánh	
466	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi thường xuyên từ nguồn NSNN tại Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Yên Thành	Nguyễn Thị Hằng	Lê T Ngọc Ánh	
467	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại Trường tiểu học phú hòa A	Phương Thị Hồng	Lê T Ngọc Ánh	
468	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi hoạt động từ nguồn NSNN tại Phòng Tài chính kế hoạch huyện Yên Mô	Trần Thị Thu Huyền	Lê T Ngọc Ánh	
469	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại UBND xã Đồng Quang	Nguyễn Văn Quý	Lê T Ngọc Ánh	
470	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi thường xuyên tại Phòng Giáo dục huyện Lạc Sơn	Bùi Phùng Yên Anh	Nguyễn Thanh Bình	
471	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản chi thường xuyên tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lạng Sơn	Dương Hồng Giang	Nguyễn Thanh Bình	
472	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản thu-chi và quyết toán ngân sách NN tại UBND xã Tân Liễu - Huyện Yên Dũng - Tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Thị Hồng	Phạm Văn Hưng	
473	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại UBND xã Bán cảm - Huyện Bảo Thắng - Tỉnh Lào cai	Phạm Khánh Huyền	Phạm Văn Hưng	
474	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản chi thường xuyên tại cục đường thủy nội địa Việt Nam	Trần Thị Minh Nguyệt	Phạm Văn Hưng	
475	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản chi thường xuyên tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Lạc Sơn	Trần Trung Hiếu	Trần Đức Hùng	
476	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản thu-chi tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thông Nông	Nông Thị Lan Nhi	Trần Đức Hùng	

477	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại Trường THCS Thị trấn Cao Lộc	Triệu Trung Tuấn	Trần Đức Hùng
478	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản thu-chi tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Thông Nông	Hoàng Bằng Nhật	Trần Đức Hùng
479	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán các khoản chi thường xuyên tại Ủy Ban nhân dân phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Dương Khánh Hòa	Trần Thị Lụa
480	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại Trung tâm y tế huyện Thông Nông	Trần Thị Thùy Nhung	Trần Thị Lụa
481	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi thường xuyên NSNN và quyết toán chi ngân sách huyện qua KBNN huyện Gia Viễn	Trần Anh Tuấn	Trần Thị Lụa
482	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi và quyết toán ngân sách xã qua Kho bạc Nhà nước Văn Hồ	Tăng Đức Tiên	Trần Thị Lụa
483	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại phòng tài chính - kế hoạch huyện Văn Lâm	Nguyễn Việt Anh	ThS. Nguyễn Thị Ngọc
484	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH KA TECH Việt Nam	Chu Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Thị Ngọc
485	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tài Phát	Phùng Quang Đức	ThS. Phạm Thị Thu Hương
486	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Sáng	Diêm Hà Hồng Hạnh	ThS. Phạm Thị Thu Hương
487	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH MTV xây lắp và đầu tư xây dựng	Trần Trung Nghĩa	ThS. Phạm Thị Thu Hương
488	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần giấy và bao bì Phú An	Nguyễn Sỹ Đức	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy
489	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần thời trang phát triển cao	Ngô Nguyễn Khánh Ly	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy
490	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu Đông Á	Ngô Thị Hồng Duyên	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy
491	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tuyên	Nguyễn Hà Ly	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy

		Bình		
492	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhật Hoa Hưng Yên	Đoàn Bích Diệp	TS.Nguyễn T Cẩm Thủy
493	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần kho vận VIETFRACHT Hưng Yên	Chu Thị Ngọc	ThS.Đặng Thị Mai
494	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH xây dựng thương mại Dương Khánh Phát	Dương Hạnh Thảo	ThS.Đặng Thị Mai
495	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty may Minh Anh	Nguyễn Thủy Hoa	ThS.Đặng Thị Mai
496	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ xây dựng	Vũ Thu Huyền	ThS.Nguyễn T Hồng Hạnh
497	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty xây dựng thương mại và du lịch Thổ Huân	Phan Thị Nhật	ThS.Vũ Thị Thảo
498	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại XNK APEC	Nguyễn Thị Tuyền	ThS.Nguyễn Thanh Huyền
499	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhật Hoa Hưng Yên	Đoàn Bích Diệp	ThS.Nguyễn Thị Ngọc
500	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần trà Than Uyên	Bùi Quốc Huy	ThS.Phạm Thị Thu Hương
501	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH DINH DƯỠNG Lạc Hồng	Nguyễn Thị Thanh Lam	ThS Đỗ Thị Loan

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4	28/8/2019	ĐHTCQTKD	150
2	Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	15/11/2019	ĐHTCQTKD	300

3	Kế toán, kiểm toán và tài chính Việt Nam – Xu hướng và triển vọng	29/06/2020	DHTCQTK	120
---	---	------------	---------	-----

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học Việt Nam	1. Ths. Nguyễn Thị Bích Anh 2. Ths. Đỗ Văn Lương 3. Ths. Quản Thị Lan		10/2019	60.000.000	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
2	Hoàn thiện chương trình đào tạo trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội	1. TS. Lê Tuấn Hiệp 2. Ths. Nguyễn Văn Đạo 3. Ths. Hoàng Hữu Chung 4. Ths. Nguyễn Thị Lam Giang 5. Ths. Cao Thị Tho 6. Ths. Đỗ Thị Vui 7. Ths. Nguyễn Văn Thế		10/2019	60.000.000	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
3	Một số giải pháp đẩy mạnh hợp tác quốc tế tạo điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo của trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	1. TS. Nguyễn Huy Cường 2. TS. Nguyễn Hữu Dũng 3. Ths. Đỗ Minh Ngọc		10/2019	50.000.000	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
4	Xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo tại trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	1. Ths. Lương Thu Thủy 2. CN. Lương Ngọc Huy 3. KS. Lê Đức Thân 4. Ths. Tạ Duy Khánh 5. Ths. Vũ Anh Tuấn		10/2019	60.000.000	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
5	Hoàn thiện các tiêu chuẩn theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh phục vụ cho việc kiểm định chất lượng giáo dục đại học	1. Ths. Đỗ Thị Minh Nhâm 2. Ths. Bùi Minh Đức 3. Ths. Nguyễn Thị Bích Hường 4. Ths. Đỗ Thị Kim Thoa 5. Ths. Đỗ Việt Hùng		10/2019	60.000.000	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
6	Thúc đẩy hoạt động truyền thông marketing tại trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	1. Ths. Vũ Văn Hoàng 2. Ths. Nguyễn Anh Tuấn 3. CN. Nguyễn Thị Minh Thu		10/2019	60.000.000	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu

7	Văn hoá doanh nghiệp của các Công ty Nhật Bản (Nghiên cứu trường hợp Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam), vận dụng đối với các doanh nghiệp Việt Nam	1. Ths. Bùi Văn Bằng 2. TS.Đào Văn Tú 3. CN. Nguyễn Việt Hải 4. Ths. Đỗ Thị Nhài 5. Ths. Bùi Thị Minh Phương	Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam	09/2019	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
8	Hoàn thiện kế toán ngoại tệ tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	1. TS. Nguyễn Quốc Thắng 2. Ths. Dương Thị Thiều 3. Ths. Lê Hồng Kỳ 4. Ths. Đoàn Thị Hồng Thịnh 5. Ths. Trần Minh Huệ		09/2019	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
9	Minh bạch tài chính – ngân sách và trách nhiệm giải trình của các xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	1. TS. Nguyễn Thị Bích Diệp 2. Ths. Lương Thị Dinh 3. Ths. Nguyễn Thị Ngọc Thanh 4. Ths. Đỗ Thị Tuyết Mai 5. Ths. Phạm Thị Mai Huyền		09/2019	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
10	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin của giảng viên trong giảng dạy tiếng Anh tại trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	1. Ths. Nguyễn Thị Vân 2. Ths. Lê Thị Mùi Hà 3. Ths. Quán Thị Hoàng Anh 4. Ths. Ninh Thị Yến 5. Ths. Đinh Thị Luyện			20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
11	Nâng cao năng lực, cán bộ công chức cấp xã ở huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	TS. Đào Văn Tú		12/2019	20.000.000	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
12	Hoàn thiện chỉ tiêu đánh giá tài chính nhà thầu các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	1. Ths. Trịnh Thị Thu Hà 2. Ths. Trần Thị Lụa 3. Ths. Nguyễn Thị Hải 4. Ths. Nguyễn T. Thanh Hà 5. Ths. Nguyễn T. Phương Hoa			20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
13	Hoàn thiện mô hình và đẩy mạnh hoạt động của câu lạc bộ tiếng Anh tại trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	1. ThS. Nguyễn Hạnh Vân, Khoa Ngoại ngữ – Chủ nhiệm; 2. ThS. Vũ Thị Thùy Dung, Khoa Tài chính - Ngân hàng - Thành viên chính, thư ký; 3. ThS. Nguyễn Thị Thảo, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính; 4. ThS. Đỗ Thị Thời, Khoa		5/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu

		Ngoại ngữ - Thành viên chính; 5. ThS. Võ Thị Thanh Huyền, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính.				
14	Giải pháp phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	1. ThS. Trần Thị Thu Trang, Khoa Ngoại ngữ - Chủ nhiệm; 2. ThS. Đào Thị Hồng Lam, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính; 3. ThS. Đặng Thị Hiền, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính; 4. ThS. Nguyễn Thị Bốn, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính, thư ký; 5. ThS. Hoàng Văn Thắng, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính.		5/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
15	Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	1. ThS. Lê Thị Mùi Hà, Khoa Ngoại ngữ - Chủ nhiệm; 2. ThS. Phạm Thị Loan, Khoa Hệ thống thông tin quản lý - Thành viên chính; 3. ThS. Quán Thị Hoàng Anh, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính; 4. ThS. Nguyễn Thị Vân, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính, thư ký; 5. ThS. Đinh Thị Luyện, Khoa Ngoại ngữ - Thành viên chính.		5/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
16	Hoàn thiện mô hình quản lý nghiên cứu khoa học tại Trường	1. TS. Nguyễn Hữu Dũng 2. TS. Nguyễn Huy Cường 3. ThS. Lê T. Thu Hà		5/2020	60.000.000	Báo cáo tổng hợp kết quả

	Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh					nghiên cứu
17	Vận dụng tư tưởng Hồ chí Minh về nông nghiệp vào phát triển kinh tế tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên hiện nay	<p>1. ThS. Nguyễn Thị Thu Hường, Khoa Lý luận chính trị – Chủ nhiệm;</p> <p>2. ThS. Bùi Thị Minh Nhâm, Khoa Lý luận chính trị - Thành viên chính;</p> <p>3. ThS. Đàm Thị Thanh Thùy, Khoa Lý luận chính trị - Thành viên chính;</p> <p>4. ThS. Lưu Thị Yến, Khoa Lý luận chính trị - Thành viên chính, thư ký;</p> <p>5. ThS. Bùi Thị Nhung, Khoa Lý luận chính trị - Thành viên chính.</p>		9/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
18	Một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp thâm định giá Việt Nam	<p>1. ThS. Nguyễn Minh Nhật, Khoa Thâm định giá – Chủ nhiệm;</p> <p>2. ThS. Trần Đình Thắng, Khoa Thâm định giá - Thành viên chính;</p> <p>3. ThS. Dương Thị Trang, Khoa Thâm định giá - Thành viên chính.</p>		5/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
19	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của công chức, viên chức tại cơ quan UBND Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	<p>1. ThS. Nguyễn Thị Thu Linh, Khoa Quản trị kinh doanh – Chủ nhiệm;</p> <p>2. ThS. Phạm Linh Chi, Khoa Quản trị kinh doanh - Thành viên chính;</p> <p>3. ThS. Đoàn Thị Huệ, Khoa Quản trị kinh doanh - Thành viên chính;</p> <p>4. ThS. Nguyễn Thị Ngát, Khoa Quản trị kinh doanh - Thành viên chính;</p> <p>5. ThS. Trịnh Thị</p>		5/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu

		Hồng Thái, Khoa Quản trị kinh doanh - Thành viên chính, thư ký.				
20	Vận dụng marketing 3.0 đối với hoạt động tiêu thụ sản phẩm chuỗi tiêu hồng của các trạng trại trên địa bàn huyện Khoái Châu - tỉnh Hưng Yên	<p>1. ThS. Phạm Văn Toàn, Khoa Thẩm định giá - Chủ nhiệm;</p> <p>2. ThS. Hoàng Thị Mậu, Khoa Thẩm định giá - Thành viên chính;</p> <p>3. ThS. Hồ Thị Thanh Huyền, Khoa Thẩm định giá - Thành viên chính.</p>		5/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
21	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lợi tại các doanh nghiệp sản xuất nhôm niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Việt Nam	<p>1. ThS. Lê Hồng Kỳ, Khoa Kế toán - Kiểm toán - Chủ nhiệm;</p> <p>2. ThS. Bùi Thị Vân, Khoa Kế toán - Kiểm toán - Thành viên chính, thư ký;</p> <p>3. ThS. Nguyễn Thị Huyền, Khoa Kế toán - Kiểm toán - Thành viên chính;</p> <p>4. ThS. Nguyễn Thị Đào, Khoa Kế toán - Kiểm toán - Thành viên chính.</p>		5/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
22	Nâng cao chất lượng đào tạo tin học cho sinh viên trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	<p>1. ThS. Đỗ Thị Kim Chi, Khoa Hệ thống thông tin quản lý - Chủ nhiệm;</p> <p>2. ThS. Nguyễn Thành Chung, Khoa Hệ thống TT quản lý - Thành viên chính;</p> <p>3. ThS. Phạm Việt Phương, Khoa Hệ thống TT quản lý - Thành viên chính;</p> <p>4. ThS. Đỗ Minh Chính,</p>		5/2020	20.000.00	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu

		Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - Thành viên chính; 5. ThS. Nguyễn Thị Thu Hương, Khoa Hệ thống TT quản lý - Thành viên chính, thư ký.			
23	Phát triển thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán ở Việt Nam	1. TS. Nguyễn Quốc Thắng, Khoa Kế toán - Kiểm toán – Chủ nhiệm; 2. ThS. Trần Thị Thúy, Khoa Kế toán - Kiểm toán - Thành viên chính, thư ký; 3. ThS. Đào Văn Anh, Khoa Kế toán - Kiểm toán - Thành viên chính; 4. ThS. Dương Thị Thiều, Khoa Kế toán - Kiểm toán - Thành viên chính; 5. ThS. Trần Ngọc Lan, Khoa Kế toán - Kiểm toán - Thành viên chính.		5/2020	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu 60.000.000

TẠI HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 19
Công khai thông tin cơ sở vật chất
của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh
Năm học 2020-2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHTCQTKD ngày tháng năm 2020)

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	208.000	208.000		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	18.816	18.816		

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0						
2	Phòng thực hành	11		GV, SV	684	x		
3	Xưởng thực tập							
4	Nhà tập đa năng	1		CB, GV, SV	610	x		
5	Hội trường	2		CB, GV, SV	1420	x		
6	Phòng học	58		GV, SV	5804	x		
7	Phòng học đa phương tiện							
8	Thư viện	2		CB, GV, SV	365	x		
9	Trung tâm học liệu							
10	Các phòng chức năng khác			CB, GV, SV	3893	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	2
2	Số chỗ ngồi đọc	200
3	Số máy tính thư viện	60
4	Số lượng bản sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (bản sách, tạp chí)	22.338
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	0

D. Diện tích đất/ sinh viên, diện tích sàn/ sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/ sinh viên	74,2 m ²
2	Diện tích sàn/ sinh viên	6,7 m ²

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 20
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh
Năm học 2020-2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHTCQTKD ngày tháng năm 2020)

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	207		1	18	184	5	178	28	1
1	<i>Giảng viên cơ hữu theo ngành</i>	147		1	17	127	3	127	19	1
a	Khối ngành I									
b	Khối ngành II									
c	Khối ngành III	134	0	1	15	116	3	117	16	1
d	Khối ngành IV									
e	Khối ngành V									
f	Khối ngành VI									
g	Khối ngành VII	13	0	0	2	11	0	10	3	0
2	<i>Giảng viên cơ hữu môn chung</i>	60	0	0	1	57	2	51	9	0

ng

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
	Khối ngành I					
	Khối ngành II					
	Khối ngành III					
1	Đoàn Thị Thanh Tâm	1978	Nữ		TS	Ngành KDQT
2	Trương Thị Thanh Loan	1982	Nữ		ThS	Ngành KDQT
3	Đinh Thị Thu Huyền	1989	Nữ		ThS	Ngành KDQT
4	Trương Thị Tuyết Nhung	1988	Nữ		ThS	Ngành KDQT
5	Vũ Ngọc Loan	1989	Nữ		ThS	Ngành KDQT
6	Nguyễn Việt Hiếu Linh	1991	Nam		ThS	Ngành KDQT
7	Phạm Văn Hưng	1974	Nam		ĐH	Ngành Kế toán
8	Phạm Ngọc Thảo	1975	Nam		ThS	Ngành Kế toán
9	Nguyễn Hải Hà	1979	Nam		ThS	Ngành Kế toán
10	Nguyễn Quốc Thắng	1973	Nam		TS	Ngành Kế toán
11	Lê Hồng Kỳ	1974	Nam		ThS	Ngành Kế toán
12	Phạm Thu Hương	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
13	Nguyễn Thanh Huyền	1983	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
14	Nguyễn Thị Hải	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
15	Trịnh Thị Thu Hà	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
16	Trần Đức Hùng	1976	Nam		ThS	Ngành Kế toán
17	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
18	Dương Thị Thiều	1978	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
19	Trần Thị Thúy	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
20	Bùi Thị Vân	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
21	Trịnh Thị Điệp	1984	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
22	Trần Thị Lựa	1982	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
23	Nguyễn Thị Kim Dung	1984	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
24	Trần Minh Huệ	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
25	Đoàn Thị Phương	1985	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
26	Nguyễn Thị Thu	1985	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
27	Nguyễn Đức Phong	1984	Nam		ThS	Ngành Kế toán

Biểu mẫu 20
(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

28	Lê Thị Bình	1987	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
29	Nguyễn Phương Hạnh	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
30	Nguyễn Thị Đào	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
31	Đỗ Thị Loan	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
32	Vũ Thị Thảo	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
33	Nguyễn Thị Ngọc	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
34	Lê Thị Ngọc Ánh	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
35	Nguyễn Thị Hương	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
36	Đoàn Thị Hồng Thịnh	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
37	Nguyễn Thị Ngoan	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
38	Đào Thị Hằng	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
39	Phạm Thị Thu Hương	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
40	Phạm Thị Hậu	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
41	Cao Thị Hằng	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
42	Trần Ngân Hà	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
43	Nguyễn Thị Huyền	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
44	Nguyễn Thị Phương Hoa	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
45	Nguyễn Thị Thanh Hà	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
46	Nguyễn Thanh Bình	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
47	Nguyễn Thị Hải Hường	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
48	Vũ Mai Phương	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
49	Nguyễn Thị Vân Thanh	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
50	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	1984	Nữ		TS	Ngành Kiểm toán
51	Đào Vân Anh	1978	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
52	Nguyễn Thị Phương	1983	Nữ		TS	Ngành Kiểm toán
53	Trịnh Thị Thu Hòa	1987	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
54	Nguyễn Thị Minh Tâm	1989	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
55	Lê Thị Loan	1990	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
56	Đặng Thị Mai	1991	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
57	Trần Ngọc Lan	1990	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
58	Bùi Minh Đức	1984	Nam		ThS	Ngành QTKD
59	Đào Văn Tú	1974	Nam		TS	Ngành QTKD
60	Lê Minh Hạnh	1981	Nữ		TS	Ngành QTKD
61	Đỗ Tiến Tới	1980	Nam		TS	Ngành QTKD
62	Lê Nguyên Tùng	1976	Nam		ĐH	Ngành QTKD

Biểu mẫu 20

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

63	Kim Thị Hạnh	1975	Nữ		ThS	Ngành QTKD
64	Đỗ Thị Nhài	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
65	Nguyễn Thị Thủy	1979	Nữ		ThS	Ngành QTKD
66	Bùi Thị Minh Phương	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
67	Phạm Linh Chi	1984	Nữ		ThS	Ngành QTKD
68	Nguyễn Thị Ngát	1985	Nữ		ThS	Ngành QTKD
69	Nguyễn Thị Thu Linh	1987	Nữ		ThS	Ngành QTKD
70	Nguyễn Thị Ngọc Anh	1988	Nữ		ThS	Ngành QTKD
71	Đoàn Thị Huệ	1988	Nữ		ThS	Ngành QTKD
72	Nguyễn Thị Hồng Thúy	1984	Nữ		ThS	Ngành QTKD
73	Vũ Thị Thắng	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
74	Trịnh Thị Hồng Thái	1990	Nữ		ThS	Ngành QTKD
75	Đỗ Đức Minh	1958	Nam	PGS	TS	Ngành TCNH
76	Lê Tuấn Hiệp	1978	Nam		TS	Ngành TCNH
77	Vũ Văn Hoàng	1976	Nam		ThS	Ngành TCNH
78	Nguyễn Huy Cường	1975	Nam		TS	Ngành TCNH
79	Hồ Ngọc Hà	1963	Nam		ThS	Ngành TCNH
80	Nguyễn Văn Chương	1971	Nam		ThS	Ngành TCNH
81	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	1983	Nữ		ThS	Ngành TCNH
82	Nguyễn Thị Bích Diệp	1982	Nữ		TS	Ngành TCNH
83	Trương Thị Đức Giang	1978	Nữ		TS	Ngành TCNH
84	Nguyễn Thị Thu Hà	1968	時給		ThS	Ngành TCNH
85	Nguyễn Thị Liên	1976	Nữ		TS	Ngành TCNH
86	Lê Minh Thu	1982	Nữ		ThS	Ngành TCNH
87	Trương Thị Bích	1982	Nữ		ThS	Ngành TCNH
88	Lương Thị Dinh	1978	Nữ		ThS	Ngành TCNH
89	Bùi Thị Thanh Huyền	1984	Nữ		ThS	Ngành TCNH
90	Ngô Ánh Nguyệt	1987	Nữ		ThS	Ngành TCNH
91	Vũ Thị Thùy Dung	1987	Nữ		ThS	Ngành TCNH
92	Trần Thu Nga	1988	Nữ		ThS	Ngành TCNH
93	Quản Thị Thu Huyền	1987	Nữ		ThS	Ngành TCNH
94	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ		ThS	Ngành TCNH
95	Phạm Thị Mị	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
96	Phạm Thị Mai Huyền	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
97	Phạm Hồng Hạnh	1987	Nữ		ThS	Ngành TCNH

Biểu mẫu 20
(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

98	Đỗ Thị Tuyết Mai	1984	Nữ		ThS	Ngành TCNH
99	Luyện Thùy Dung	1990	Nữ		ThS	Ngành TCNH
100	Trần Thị Thanh Vân	1990	Nữ		ThS	Ngành TCNH
101	Nguyễn Văn Thế	1990	Nam		ThS	Ngành TCNH
102	Nguyễn Hữu Quý	1986	Nam		ThS	Ngành TCNH
103	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1986	Nữ		ThS	Ngành TCNH
104	Bùi Tiến Thịnh	1990	Nam		ThS	Ngành TCNH
105	Đỗ Thị Quỳnh Anh	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
106	Bùi Thị Yên	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
107	Lê Thị Hằng	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
108	Vũ Thị Hà	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
109	Hoàng Thị Duyên	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
110	Trần Thị Lương	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
111	Trần Đình Thắng	1974	Nam		ThS	Ngành TCNH
112	Phạm Văn Toàn	1982	Nam		ThS	Ngành TCNH
113	Đỗ Minh Ngọc	1981	Nam		ThS	Ngành TCNH
114	Dương Thị Trang	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
115	Hoàng Thị Mậu	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
116	Nguyễn Minh Nhật	1991	Nam		ThS	Ngành TCNH
117	Hồ Thị Thanh Huyền	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
118	Đỗ Thị Hoan	1981	Nữ		TS	Ngành TCNH
119	Nguyễn Quang Hiệp	1981	Nam		TS	Ngành HTTTQL
120	Phạm Văn Tịch	1975	Nam		ThS	Ngành HTTTQL
121	Nguyễn Thành Chung	1980	Nam		ĐH	Ngành HTTTQL
122	Trần Thị Kim Oanh	1983	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
123	Đỗ Minh Nam	1979	Nam		ThS	Ngành HTTTQL
124	Đỗ Huy Cảnh	1975	Nam		ThS	Ngành HTTTQL
125	Đỗ Thị Kim Chi	1980	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
126	Nguyễn Thị Thu Hương	1979	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
127	Vũ Thị Liên	1987	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
128	Phạm Anh Tuấn	1980	Nam		ThS	Ngành HTTTQL
129	Cao Thị Tho	1985	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
130	Đỗ Thị Vui	1988	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
131	Phạm Việt Phương	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
132	Phạm Thị Chanh	1988	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL

133	Trịnh Thu Trang	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
134	Vũ Thị Hòa	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTTQL
	Khối ngành IV					
	Khối ngành V					
	Khối ngành VI					
	Khối ngành VII					
135	Nguyễn Trọng Nghĩa	1964	Nam		TS	Ngành Kinh tế
136	Đỗ Thị Minh Tâm	1979	Nữ		TS	Ngành Kinh tế
137	Đỗ Văn Lương	1976	Nam		ThS	Ngành Kinh tế
138	Đỗ Văn Dũng	1982	Nam		ThS	Ngành Kinh tế
139	Lê Thị Thu Hà	1984	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
140	Hoàng Thị Nhung	1979	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
141	Nguyễn Thị Thùy Linh	1987	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
142	Đào Thị Hồng Xiêm	1986	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
143	Đỗ Thị Huyền Thanh	1990	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
144	Lê Ngọc Thơm	1991	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
145	Phan Thúy Nga	1990	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
146	Lê Thị Vinh	1985	Nữ		ThS	Ngành Kinh tế
147	Nguyễn Đức Trung	1990	Nam		ThS	Ngành Kinh tế
	GV các môn chung					
148	Vũ Đăng Dũng	1977	Nam		ThS	Môn chung
149	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	Nam		ThS	Môn chung
150	Nguyễn Văn Sự	1965	Nam		ĐH	Môn chung
151	Phạm Khánh Tùng	1981	Nam		ThS	Môn chung
152	Đặng Hoài Nam	1989	Nam		ThS	Môn chung
153	Nguyễn Việt Hưng	1978	Nam		ThS	Môn chung
154	Nguyễn Thị Bích Anh	1985	Nữ		ThS	Môn chung
155	Bùi Văn Bằng	1973	Nam		ThS	Môn chung
156	Kiều Thị Hồng Hạnh	1976	Nữ		ThS	Môn chung
157	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1972	Nữ		ĐH	Môn chung
158	Phạm Thị Lý	1980	Nữ		ThS	Môn chung
159	Vũ Thị Phương Thảo	1975	Nữ		ThS	Môn chung
160	Ngô Thị An	1988	Nữ		ThS	Môn chung
161	Đỗ Thu Hương	1985	Nữ		ThS	Môn chung
162	Trần Thị Lý	1986	Nữ		ThS	Môn chung
163	Tô Xuân Hải	1989	Nam		ThS	Môn chung
164	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1987	Nữ		ThS	Môn chung
165	Đinh Thị Kim Nhung	1978	Nữ		ThS	Môn chung
166	Đoàn Thanh Sơn	1979	Nam		ThS	Môn chung
167	Trần Thị Bích Thục	1975	Nữ		ThS	Môn chung

168	Đỗ Văn Quân	1980	Nam		ThS	Môn chung
169	Lê Thị Hiền	1988	Nữ		ThS	Môn chung
170	Phạm Thị Loan	1989	Nữ		ThS	Môn chung
171	Đoàn Thị Linh	1989	Nữ		ThS	Môn chung
172	Nguyễn Thị Thu Hương	1976	Nữ		ThS	Môn chung
173	Nguyễn Thị Thuý	1979	Nữ		TS	Môn chung
174	Đào Thị Hằng	1989	Nữ		ThS	Môn chung
175	Nguyễn Thị Thùy Dung	1983	Nữ		ThS	Môn chung
176	Phạm Thị Hương	1985	Nữ		ThS	Môn chung
177	Bùi Thị Nhung	1985	Nữ		ThS	Môn chung
178	Nguyễn Hồng Phong	1986	Nam		ThS	Môn chung
179	Phan Thị Uyên	1984	Nữ		ThS	Môn chung
180	Đàm Thị Thanh Thủy	1988	Nữ		ThS	Môn chung
181	Dư Thị Tươi	1987	Nữ		ThS	Môn chung
182	Vũ Thị Trang	1989	Nữ		ThS	Môn chung
183	Lưu Thị Yên	1988	Nữ		ThS	Môn chung
184	Cao Thị Thu Hằng	1976	Nữ		ThS	Môn chung
185	Bùi Thị Minh Nhâm	1991	Nữ		ThS	Môn chung
186	Nguyễn Thị Hải Yên	1991	Nữ		ThS	Môn chung
187	Nguyễn Hạnh Vân	1966	Nữ		ThS	Môn chung
188	Đào Thị Hồng Lam	1979	Nữ		ThS	Môn chung
189	Trần Thị Thu Trang	1978	Nữ		ThS	Môn chung
190	Đặng Thị Hiền	1978	Nữ		ThS	Môn chung
191	Nguyễn Thị Vân	1983	Nữ		ThS	Môn chung
192	Hoàng Văn Thắng	1983	Nam		ThS	Môn chung
193	Lê Thị Mùi Hà	1979	Nữ		ThS	Môn chung
194	Quản Thị Hoàng Anh	1980	Nữ		ThS	Môn chung
195	Đỗ Thị Thời	1983	Nữ		ThS	Môn chung
196	Hoàng Thị Hương Giang	1976	Nữ		ThS	Môn chung
197	Nguyễn Thị Bốn	1988	Nữ		ThS	Môn chung
198	Nguyễn Thị Thảo	1989	Nữ		ThS	Môn chung
199	Đinh Thị Luyện	1990	Nữ		ThS	Môn chung
200	Hồ Thị Tam	1979	Nữ		ThS	Môn chung
201	Đỗ Thị Nhung	1990	Nữ		ThS	Môn chung
202	Ninh Thị Yên	1988	Nữ		ThS	Môn chung
203	Đặng Thị Phượng	1991	Nữ		ThS	Môn chung
204	Vũ Thị Thanh Huyền	1989	Nữ		ThS	Môn chung
205	Lê Thị Thanh	1991	Nữ		ThS	Môn chung
206	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	1992	Nữ		ThS	Môn chung
207	Phạm Minh Đức	1971	Nam		ThS	Môn chung

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/ giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/ giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	20.9
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	0.39



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 21
Công khai tài chính của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh
Năm học 2020-2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHTCQTKD ngày tháng năm 2020)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/ 1SV/ năm	Dự kiến học phí/ 1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy, chương trình đại trà			
1	<i>Thạc sĩ</i>			
	Khối ngành III	Triệu đồng/ năm	14,7	
2	<i>Đại học</i>			
	Khối ngành III	Triệu đồng/ năm	9,8	
	Khối ngành VII	Triệu đồng/ năm		
II	Học phí hình thức vừa làm vừa học			
1	<i>Đại học</i>			
	Khối ngành III	Triệu đồng/năm	14,7	
III	Tổng thu năm 2020		Dự toán giao	Dự kiến
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	38,524	38,524
2	Từ học phí	Tỷ đồng	24,5	24,5
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	0	0
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	8,0	8,0



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa